TỤC CAO TĂNG TRUYỆN

QUYỂN 5

CHƯƠNG II - PHẦN ĐẦU: GIẢI NGHĨA

Trong phần một của chương hai Chánh truyện có mười hai vị, phụ có mười chín vị

1/- Truyện Sa-môn Thích Pháp Thân trụ chùa An Lạc ở Dương Đô, thời Nam Lương (Đạo Đạt, Tuệ Mạng)

2/- Truyện Sa-môn Thích Tăng Thiều trụ chùa Kiến Nguyên ở Dương Đô, thời Nam Lương (Pháp Lãng, Pháp Lượng)

3/- Truyện Sa-môn Thích Pháp hộ trụ chùa Kiến Nguyên ở Dương Đô thời Nam Lương (Trí Viễn, Tăng Đạt)

4/- Truyện Sa-môn Thích Trí Hân trụ chùa Tống Hy ở Chung Sơn, thời Nam Lương.

5/- Truyện Sa-môn Thích Tăng Nhã ở núi Hổ Khâu, thuộc Quận Ngô thời Nam Lương (Tăng Linh, Pháp Độ) Tuệ Phạm, Tuệ Lãng.

6/- Truyện Sa-môn Thích Pháp Sủng trụ chùa Tuyên Võ ở Dương Đô, thời Nam Lương (Trí Quả, Tăng Thục)

7/- Truyện Sa-môn Thích Tăng Thiên trụ chùa Linh Căn ở Dương Đô, thời Nam Lương

8/- Truyện Sa-môn Thích Tăng Mân trụ chùa Trang Nghiêm ở Dương Đô, thời Nam Lương (Đạo Siêu)

9/- Truyện Sa-môn Thích Pháp Vân trụ chùa Quang Trạch ở Dương Đô, thời Nam Lương.

10/- Truyện Sa-môn Thích Tuệ Trừng trụ chùa Tùy Hỷ ở Hải Nam, thời Nam Lương (Tuệ Lãng, Tuệ Lược, Pháp Sinh, Tuệ Võ).

11/- Truyện Sa-môn Thích Pháp Linh trụ chùa Định Lâm ở Chung Sơn, thời Nam Lương (Tuệ Thái, Tuệ Toản).

12/- Truyện Sa-môn Thích Trí Tạng trụ chùa Khai Thiện ở Chung Sơn, thời Nam Lương.

1/- Truyện Sa-môn Thích Pháp Thân trụ chùa An Lạc ở Dương Đô.

Thích Pháp Thân, vốn họ Lã, người ở Xứ Nhâm Thành. Ông nội Sư dời đến ngụ ở Thanh Châu. Sư xuất gia thuở nhỏ. Sớm có chí học Nho, rộng học các kinh luận, khéo suy nghĩ cao xa, tuổi càng lớn, Sư càng lo Không lo Hữu, đêm ngày buồn bã. Có Ẩn Sĩ Bình Nguyên Minh Đàm Liêu chế diễu Sư rằng: "Ba Dương tại tiết, sáng sớm cảnh trong. Sao chẳng uống rượu ngon, ngâm vịnh thơ mới, mà suốt năm suốt tháng, trợn mắt chăm nhìn bốn vách tường. Trăm năm chỉ trong khoảng khắc, biết được thành nho tố hay chăng?" Sư đáp: "bởi Bình sinh xấu tốt, đâu thể nói là được mất." Nên chỉ trong thời gian ngắn mà Đại Minh thành luận, tiếng tốt của Sư vang khắp làng quận.

Khoảng đầu niên hiệu Thái Thỉ (bốn trăm sáu mươi lăm) thời Tiền Tống, chùa Trang Nghiêm nhóm pháp tập, Vua Minh Đế (Lưu Úc) ban sắc thỉnh Sư qua sông đến trụ chùa An lạc. Trải qua thời gian, Sư đáng là Bậc sư tượng, Tăng tục đều kính trọng. Đến khoảng niên hiệu Kiến Nguyên (bốn trăm bảy mươi chín-bốn trăm tám mươi ba) thời Nam Tề, Sư gặp phải việc tang của người thân ở quê xa, trên đường trở về gặp phải chướng ngại, Sư bèn trở lại đất Bắc. Nhân đó Sư sống tĩnh lặng, dứt bặt việc người, bỏ cả giảng nói. Mãi đến khoảng niên hiệu Vĩnh Minh (bốn trăm tám mươi ba-bốn trăm chín mươi bốn) thời Nam Tề, Tề kính Lăng Vương Tiêu Tử Lương thỉnh hai mươi vị Pháp sư giảng nói truyền trao, tha thiết thỉnh Sư đến, Sư cố khước từ, song không thể được. đang trong thời gian ấy, sự hưng thạnh của Sư, không Đạo bạn nào có thể ngang bằng. Thêm nữa, Sư là bậc Thuần hậu nhân tuệ, không nói lời cố gắng. Sư an nhàn, giữ sự trong trắng, chẳng khinh thường người đời. Đến niên hiệu Thiên giám thứ hai (năm trăm lẻ ba) – thời Nam Lương Sư thị tịch, thọ bảy mươi bốn tuổi.

Bấy giờ, lại có Sa-môn Thích Đạo Đạt, Thích Tuệ Mạng, đều là các bậc tinh cần tu học nổi tiếng.

Ngài Đạo Đạt vốn họ Bùi, người xứ Văn Hỷ, thuộc Hà Đông. Sư trú tại Tinh Xá Vĩnh Phước ở Quảng Lăng, thửa thiếu thời Sư giữ hiếu hạnh mọi người đều biết tiếng, cứu giúp nguy hiểm. Đạo hạnh thấm nhuần khắp cả bến sông. Vào niên hiệu Vĩnh Minh(bốn trăm tám mươi ba-bốn trăm chín mươi bốn) – thời Nam Tề, Sư giữ chức Tăng chánh ở Châu Nam Duyện, luôn luôn liêm khiết trinh bạch thanh nhã, có tài cai trị. Ngày Sư thôi nghỉ việc, chỉ còn có năm bó giấy cũ mà thôi.

Ngài Tuệ Mạng, người xứ Quảng Lăng. Sư trụ tại chùa An Lạc, vốn dốc lòng mở mang cứu giúp, chuyên dùng sự thấy biết thành thật.

2/- Truyện Sa-môn Thích Tăng Thiều trụ chùa Kiến Nguyên ở Dương Đô.

Thích Tăng Thiều, họ Vương, người xứ Cao An; nước Tề. Từ thuở bé, Sư đã nguyện muốn thoát tục. Đến tuổi hai mươi mới thật sự xuất gia. Đạo tục thảy đều tôn kính tông sư. Sư có dáng vẻ khôi ngô, khéo giữ cử chỉ, tánh tình ôn hòa, vận điệu thanh nhã, khéo giỏi mở mang kinh giáo. Tiếng tăm vang khắp châu Nhưỡng. Sư chuyên lấy bộ Tỳ-đàm làm sự nghiệp.

Khoảng đầu niên hiệu Nguyên Huy (bốn trăm bảy mươi ba)- thời Tiền Tống, Sư đến Hoàng Ấp, trụ tại chùa Kiến Nguyên. Sư khoan hậu nhàn đạm, chẳng vọng giao du. Cuối thời Tiền Tống, mọi sự đều khinh bạc, thể tài không chuẩn mực, mọi vật đua tranh trước mắt, vinh nhục chỉ trong khoảnh khắc. Sư vẫn an nhàn riêng tự giữ gìn, tướng trạng như vô nhân. Mãi đến lúc nhà Tề mở vận, lễ giáo sớm hoàn bị. Các hàng tăng tục đều kính ngưỡng, Sư trở lại giảng nói như cũ. Hàng hậu học biết điều chính là trước phải sửa đổi sự trông nhìn. Chỉ một bộ Tỳ-đàm mà Sư mở mang truyền bá khắp mọi miền đất nước. Đồ chúng đến học hỏi nghe giảng thường có hàng trăm vị. tề Văn Tuệ và Tề Cánh Lăng Vương Tiêu Tử Lương nhã cùng khâm phục kính lễ. Thôi Tuệ ở Thanh Hà đích thân theo đến đất Bắc đến yết kiến thưa hỏi, vâng thừa dạy răn. Đến niên hiệu Thiên giám thứ ba (năm trăm lẻ bốn) thời Nam tề, Sư thị tịch tại chùa Kiến Nguyên, thọ năm mươi tám tuổi.

Bấy giờ, tại chùa Kiến Nguyên lại có Sa môn Pháp Lãng, là bậc kiêm thông tuệ học nổi tiếng. Sư vốn họ Thẩm, người xứ Võ Khương ở Ngô Hưng. Gia đình Sư gặp phải tai họa ở đời, nhân đó Sư đến ở xứ Kiến nghiệp.

Niên hiệu Đại Minh thứ bảy (bốn trăm sáu mươi ba) thời Tiền Tống, Sư cùng anh ruột là Sa-môn Pháp Lượng được vua Hiếu Vũ Đế (Lưu Tuấn) ban sắc tiếp nối ngài Tuệ Ích xuất gia. Lúc đầu, trụ tại chùa Dược Vương. Ngài Pháp Lượng luôn có đạo hạnh cao khiết, trí tuệ thường sáng. Còn Sư bẩm tánh sơ suất, chẳng chuyên oai nghi, nhưng tiếng tăm lại vang vọng khắp nơi, nghĩa giải nổi tiếng. Sư nhóm họp chú giải Kinh Niết-bàn, khắc thành pho bộ mà ngôn ngữ hài hước. Chẳng chọn giao du với những người cao kiến hơn mình, hễ thấy thì ghi chép, cả hai ngài đều thị tịch vào niên hiệu Thiên Giám (năm trăm lẻ hai-năm trăm hai mươi) thời Nam Lương.

3/- Truyện Ngài Thích Pháp hộ trụ chùa Kiến Nguyên ở Dương Đô.

Thích Pháp hộ, họ Trương, người xứ Đông Bình. Ban đầu, Sư giữ tánh liêm trực, chẳng chịu tham lạm. Mới mười ba tuổi, mà Sư khéo giỏi các lối viết chữ Thảo chữ lệ. Thầy Sư là Sa-môn Đạo Ung cũng có phong tháo trong lành, xoa đầu Sư mà bảo rằng: "Ý khí của ông thì ông có khả năng chấn phát di Pháp!" Đến lúc thọ giới cụ túc, thì Sư gặp phải tăng buồn của cha. Sư chịu tang ở suốt trong phòng trải qua bốn năm. Chẳng can dự đến mọi pháp sự. Lễ xong, Sư gầy ốm đến nỗi chẳng thể theo chúng tăng làm mọi việc.

Vào niên hiệu Hiếu Kiến (bốn trăm năm mươi bốn-bốn trăm năm mươi bảy) thời Tiền Tống, Sư đến Dương Đô du quán rồi trụ chùa Kiến Nguyên. Khéo léo bát cổ, thường giảng các kinh luận, song Sư thường lấy bộ Tỳ-đàm làm mạng gia. Chẳng hề ưa chuộng theo thế tục, nói năng bỏ hết mọi phù hoa, chẳng cầu thích hợp, chỉ mong thông suốt văn lý. Học giả theo Sư hơn cả ngàn vị. Tề Cánh Lăng Vương xem trọn bộ Huyền Thích, định ra hư thật, bèn thiết lập nghĩa trai tại chùa Pháp Vân và mời Sư lam Tiêu lãnh. Sư giải thích giao kết thường không bị sai sót vướng mắc. Sư luôn có tâm làm lợi ích mọi vật. Có chí khoáng đạt cao xa, chẳng giao kết với thế tục. Tất cả những nơi Sư qua lại đều là những bậc có tiếng tăm. Tề Thị Trung Trần Lưu Nguyễn Thao, Quang Lục Nguyễn Hối, Trung Thư Thị Lang Nhữ Nam Chu Ngung đều giữ tâm niệm rỗng không mà kính lễ tiếp đãi, không hề bỏ phế. Từ trên ngôi Vua cho đến các bậc Hầu Bá, Sư chẳng cùng một người hết giao quen lờn. Sư luôn sáng sạch riêng một mình, khuyên gắng môn Đồ, chẳng mưu lợi không chính đáng. Chỉ lấy Kinh giáo nhân nghĩa làm hoài bão.

Đến niên hiệu Thiên giám thứ sáu (năm trăm lẻ bảy) thời Nam Lương, Sư thị tịch tại chùa Kiến Nguyên, thọ sáu mươi chín tuổi.

Bấy giờ, có Các Sa-môn Trí Viễn chùa Tân An, Sa-môn Tăng đạt chùa Thiên Bảo, đều là những bậc có công siêng năng tập học. Từ thuở bé, Sư Trí Viễn đã có tâm thanh tịnh giữ chí không đưa tranh. Sư chuyên giảng nói kinh giáo Đại thừa, khéo tu việc phước. Còn ngài Tăng Đạt bình hòa phóng khoáng, rất tự kính chuộng.

4/- Truyện Sa-môn Thích Trí Hân trụ chùa Tống Hy ở Chung Sơn.

Thích Trí Hân, họ Phan, người xứ Kiến Khương thuộc Đơn Dương.

Từ thuở bé, Sư đã thông minh, có chí tiết tháo giữ gìn hình nghi, sửa đổi mọi lỗi lầm. Mới bảy, tám tuổi, mà mọi việc trong đời nghe qua tai thì không quên lãng. Sư từng đến chùa Thê Tĩnh, gặp lúc đang giảng Pháp, Nghe qua nghĩa lý mười hai nhân duyên, Sư bèn tự bảo rằng: "Sinh tử trôi lăn không có cùng tận!" Rồi bùi ngùi, bèn có chí muốn lìa tục. Một hôm, Sư đến chỗ Thiền Sư Tăng Thẩm chùa Thê Tỉnh, cầu xin xuất gia, dốc lòng học rộng, siêng tập hạnh cận sự. Ngài Tăng Thẩm bảo rằng: "Ta trông xem thần minh ở Ông, người khác khó noi theo. Mọi điều đáng tập học đều chẳng phải là sâu xa. Vì sao?" Sư đáp: "Muốn mở rộng tiết tháo tai mắt vậy!"

Sau khi thọ giới cụ túc, Sư theo Sa-môn Đạo Mãnh chùa Đông An nghe giảng Luận Thành Thật. Được bốn biến mà Sư không hề ghi chú. Lúc kết pho thì Sư lại rõ ràng riêng tỏ ngộ chẳng cùng đồng bạn. Sư chẳng kết giao với mọi người ở đương thời. Người nào cũng cố được tham dự vào môn tịch của Sư. Lúc Sư giảng nói, văn nghĩa đều tinh tường tách bạch, bốn chúng đều quy phục, thính giả có hơn tám trăm người, Sư bày tỏ tâm tình, qúy chuộng ở chỗ có thể thấu hiểu, chẳng chuyên tài hoa, khác với hàng lưu tục. Khách hỏi, Sư chưa bày thù đáp đã thôi, đều khen ngợi phong cách ấy, tiếng tăm Sư vang vọng khắp bốn biển.

Khoảng cuối niên hiệu Vĩnh Minh (bốn trăm chín mươi bốn) thời Nam Tề, Thái Tử (?) vào lần đến Đông Điền, dẫn các Nội thị đến Chùa. Sư nhân đó cáo bệnh từ tạ, trở về chùa Tống Hy ở Chung Sơn. An nhiên tự tại, chẳng qua lại với các hàng giàu sang. Hạnh Sư chẳng hợp với không chánh, giao du Sư chẳng quên thân. Mọi vật của đàn việt cúng thí, Sư đều đem ra xây dựng sửa sang nơi chùa Sư ở.

Đến niên hiệu Thiên giám thứ năm (năm trăm lẻ sáu) Sư thị tịch, thọ sáu mươi mốt tuổi. An táng nơi tháp mộ ở tại múi.

5/- Truyện ngài Thích Tăng Nhã trụ núi Hổ Khâu ở Quận Ngô.

Thích Tăng Nhã, ngài là Con người Anh của sa-môn Tăng Cừ ở chùa Trang Nghiêm. Ngài Tăng Cừ là người luật hạnh thanh nghiêm, thấy ở truyện trước. từ thuở thiếu thời, Sư ngay thẳng tĩnh lặng, khắp xóm làng đều nhận biết.

Năm mười lăm tuổi, Sư xuất gia tại tinh xá Đông Sơn ở Hổ Khâu. Sư lấy sự cung kính hiếu hạnh để kính thờ thầy, dùng điều tốt lành để giao tiếp với bè bạn. Tánh Sư ưa thích siêng năng học tập. Sư đến kinh đô trụ tại chùa Trị Thành hơn hai mươi năm. Thông rành kinh giáo,

kẻ tăng người tục đều kính trọng khen ngợi. Thái Thường Khanh Ngô Quận lục Huệ Hiểu, Tả Thị Thượng Thư Lục Trừng Thâm đều tiếp đãi. Năm ba mươi hai tuổi, chí ngài dứt tuyệt phong trần, cuối cùng đi khắp phương đông rồi trở lại Hổ Khâu, gá thân nơi thất vắng, thoát hẳn người đời, xem đọc văn cổ, tự đủ với ráng mây, tuy là rau lá chẳng đầy đủ, áo đơn kép chẳng có nhưng tùy nghi nhậm vận, tâm ít nghĩ ngợi. Lang Da Vương Bân Thú Ngô thường mời Sư nhóm tập Pháp. Liêu Đô cho là Tri kỷ, nói rằng: "Tại quận nhờ có được ngài tăng Nhã không nói năng đùa cợt luống dối nhưng đã già yếu, thấy Sư suốt năm phóng sinh làm việc chính, trãi lòng nhân đối với các loàng trùng cá, ban đức ái, khắp thú bay chạy. Giảng nói tuy sơ sài mà bến bờ chẳng dứt bặt. Đâu phải xoá vết ẩn cư nơi núi non hiểm trở mới gọi là Đạo. chỉ cần xuất xứ chẳng mất cái quan trọng, càng thấy được cao Đức!"

Niên hiệu Thiên Giám thứ tám (năm trăm lẻ chín) thời Nam Lương, Vua Vũ Đế (Tiêu Diễn) ban sắc cho Sư làm Tăng Chánh ở quận ấy. Gần gũi nguyên soái mà còn buông lung tâm ý như trong núi rừng, nên mất sự tốt đẹp của khuôn phép sửa đổi. Đến nỗi có sự phỉ báng của những kẻ tham mạn, chưa hẳn thêm ở nơi mình mà lại chê bai tuổi già. Đến niên hiệu Phổ Thông thứ nhất (năm trăm hai mươi) – thời Nam Lương, Sư thị tịch, thọ bảy mươi tuổi.

Lại có Sa-môn Thích Tăng Linh, là anh của ngài Tăng Nhã, cũng là bậc thạc học nổi tiếng. Thuở còn trẻ, Sư là người tuấn tú, kính cẩn, lúc lớn lên lại ngay thẳng nhường nhịn, kinh luật thông rõ chẳng trọn sớm đời.

Lại có sa-môn Thích Pháp Độ ở chùa Định Lâm. Tánh Sư lắng xét, nói năng chẳng vội vàng hung bạo, trước thực hành sao có người theo.

Bấy giờ, ở chùa Trang Nghiêm lại có các sa-môn Tuệ Phạm, Tuệ Lãng, đều là những bậc thông hiểu giáo điển nội ngoại, nổi tiếng một thời. Sư họ Ngô, người ở đất Diệm, tánh tình quyết đoán, chẳng theo hình danh. Sư Tuệ Lãng da trắng sạch như sương tuyết, người thời bấy giờ xưng gọi ngài là Bạch Lãng. Sư thường giảng các kinh rất có tài năng.

6/- Truyện ngài Thích Pháp Sủng trụ chùa Tuyên Võ ở Dương Đô.

Thích Pháp Sủng, họ Phùng, người ở xứ Quán Quân thuộc Nam Dương. Sau gặp đời loạn nạn nên dời đến ở xứ Hải Diêm. Thuở thiếu

thời, Sư đã có chí muốn thoát tục. Cha mẹ Sư rất thương con nên chẳng chấp thuận. Ngài giữ chí khí cố cầu xin. Cha mẹ Sư bảo rằng: Hãy đợi cha mẹ cưới vợ cho con xong rồi con tùy ý xuất gia.

Năm mười tám tuổi, cưới vợ, mới được nửa năm, Sư bèn bỏ tục xuất gia, đến trụ chùa Quang Hưng, thành tựu pháp thức, tập học oai nghi. Sau đó, Sư đến kinh đô, trụ chùa Hưng Hoàng. Sư lại nương theo hai ngài Đạo Mãnh, Đàm Tế học luận Thành Thật. Cả hai vị thầy đều nhã ý cùng khen ngợi. Sư suốt ngày đêm siêng năng, chẳng vì nóng lạnh mà xao động tâm ý. Ngô Quận Trương Dung và Chu Ngung có viết thư nói rằng: "Người xưa muốn nối dòng nên để lại con cái, nay Pháp sư Pháp Sủng, tuyệt dứt trần lụy như nhổ bỏ đàm dãi, chí khí như thế, thật lớn thay, cao xa thay!"

Sư lại theo sa-môn Tăng Châu ở chùa Trường lạc, học thông Luận Tạp Tâm và Pháp Thắng Tỳ-đàm. Rồi lại theo sa-môn Đàm Bân ở chùa Trang Nghiêm nghe giảng các kinh, mà tham cứu chỗ sâu xa, khéo đến tận chỗ sâu cùng. Ý chỉ cao xa, không có trái ngược, văn vẻ xa xưa, phong thần đẹp đẽ. Tề Cánh Lăng Vương Tử Lương rất đãi ngộ. Thường trụ ở Tây Để, nghĩa tập soạn các Danh học. Công việc giao cho Ngài Trí Tú ở Trị Thành nên có lắm tranh giành. Ngài Trí Tú nói với Sư rằng: "Ngay việc ứng đối này, làm sao ông bằng Tôi!" Sư bảo: "Xem trước chống sau thì tôi chẳng bằng ông, nhưng giải danh định thật thì ông chẳng thể bằng tôi!" Ngài Trí Tú tỏ vẻ hổ thẹn.

Sư ngài ba mươi tám tuổi, có Đạo nhân Pháp Nguyện ở chùa Chánh Thắng khéo thông hiểu thuật của Phàm Hứa, nói với Sư rằng: "Năm ông mãn bốn mươi tuổi sẽ chết, không nơi nào tránh được, chỉ có việc cầu nguyện chư Phật, lễ sám những tội lỗi vượt thoát mới có thể hy vọng khỏi chết!" Sư nhân đó, lấy gương soi mặt để xem xét, thấy trên khuôn mặt mình có hắc khí. Khi đó, Sư bèn bán hết y bát và mọi vật dụng, đồng thời mua hương cúng dường. Sư đi thuyền về hướng đông, đến thẳng Hải Diêm trụ tại chùa Quang Hưng, đóng phòng lễ sám, dứt bặt mọi sự người vật. Ngày quên ăn nghỉ, đêm chẳng cởi y pháp, đến năm bốn mươi tuổi, trong một đêm cuối năm, bỗng cảm thấy hai tai sưng đau, càng sinh lòng khiếp sợ. Đêm đó, lễ sám rồi, đến canh tư, bỗng nhiên Sư nghe ngoài cửa phòng có tiếng người bảo rằng: "Nghiệp chết của ông đã hết!" Sư vội mở cửa ra xem thì đều không thấy ai cả. Đến sáng xem lại thì "Hắc khí đều đã tan sạch, hai tai mới sinh cốt. Đó thật là nền tảng của sám đảng. Công phu chẳng luống uổng."

Sau cùng, Sư lại theo Sa-môn Tuệ Cơ ở Đông Hạ nghe giảng

dạy dẫn dắt. Ngôn luận qua lại với thời gian chừng mười ngày thì Văn nghi lý lẽ vướng mắc lại mở mang chí ngài. Sư Tuệ Cơ lại cổ vũ Sư trở thuyền về lại trời Tây. Sư đến ở chùa Đạo Lâm, mở Vũ Lâm giản, mở hiên ách nước. Sư mở pho tìm kinh và thường tự bực bội mà chẳng thôi được. Mãi đến lúc Đông Hôn tại vị, thường thỉnh Sư đến Bắc sơn. Nhân đó nên Sư dời đến trụ chùa Thiên Bảo.

Niên hiệu Thiên giám thứ bảy (năm trăm lẻ tám)- thời Nam Lương, Sa-môn Pháp Cảnh chùa Tề Long thị tịch. Sa-môn Tăng Chánh Tuệ Siêu tấu trình khải văn thỉnh Sư đến trụ ở đó. Vua Võ Đế (Tiêu Diễn) ban sắc rằng: "mọi việc hành vị việc làm của Pháp sư Pháp Sủng chẳng trái với luật nghi, chẳng ham mê tánh dục, chẳng coi trọng hình thế, nhân từ vui vẻ, nhã có phong thái của bậc Quân tử, đáng làm khuôn phép kính tin, rất được lòng người!" Nhà vua mỗi lần nghĩa tập đều dùng lễ nghi mà đối đãi với Sư. Lược qua niên lạp của Sư nên vua ban sắc thường ngồi ở đâu. Thường chẳng kêu gọi tên Sư, mà tôn xưng là Thượng Tọa Pháp Sư. Thỉnh Sư làm "Gia tăng", ban sắc dâng thí xe bò, sức người, mọi thứ ăn uống, quanh năm chẳng ngớt. Chùa ấy vốn nhỏ hẹp. Vua Võ Đế lại vì Tuyên Võ Vương mà tạo phước, ban sắc người thợ sửa chữa chỉnh trang lại để tiếp đãi Sư. Nhân đó mà đổi tên là chùa Tuyên Võ. Sư có các môn đồ đệ tử thuần hậu thường đến cả trăm người.

Đến niên hiệu Phổ thông thứ tư (năm trăm hai mươi ba) bỗng nhiên Sư bị bệnh phong, không thể cầm nắm. Sư ở trên gác kinh suốt ngày đêm chẳng nghỉ. Hễ có các Pháp sự thì Sư ngồi trên kiệu mà giảng nói. Khi chưa bị bệnh, Sư lễ Phật, thường lấy trăm lạy làm hạn định. Sau Sư không thể dậy nổi, sang vẫn ở trên giường, cứ y theo thời khóa mà qua trăm lần cúi đầu, ngẩng đầu rất mực chính thành. Điều gì sám, điều gì nguyện không khác với trước. Về sau, căn bệnh càng dữ dội. Sư bèn tham hầu, trông mong nơi Đạo! Đến ngày mười sáu tháng ba niên hiệu Phổ thông thứ năm (năm trăm hai mươi bốn) Sư thị tịch, thọ bảy mươi bốn tuổi.

Vua Võ Đế thương tiếc đến viếng điếu, kẻ tăng người tục buồn thương kính mến. Vua ban sắc an táng xây tháp mộ tại chùa Định Lâm. Mọi chi phí trong tang lễ đều do Thiên Phủ cung cấp. Xá nhân Chủ Thư trông coi mọi việc.

Lại có Sa-môn Trí Quả. Vốn họ Quản, người ở đất Ngô, trụ chùa Quang Hưng ở Hải Diêm. Sư là người thanh bạch ngay thẳng bình thường giản dị, khéo giỏi tinh thông các kinh thuật.

Lại có Sa-môn Tăng Thục trụ chùa Công Xa ở huyện Diệm. Ngài nhặt nhạnh việc của chúng tăng đều lấy làm việc của chính mình. Hễ hỏi liền đáp, nghĩ lường khắp rộng. Tuy có người nêu bày xét khảo mà chưa thể cùng tận chỗ yếu diệu của Sư.

7/- Truyện ngài Thích Tăng Thiên trụ chùa Linh Căn ở Dương Đô.

Thích Tăng Thiên, họ Lạc, người ở xứ Đổ thuộc Tương Dương, xuất gia từ thuở thiếu thời. Sư là người trung thật, cần kiệm, sớm hợp với làng quận. Về sau, Sư đến Đô ấp, trụ chùa Linh Căn, quét dọn một căn phòng sạch như Tiên quán, thanh khiết, sửa sang y phục, nước bụi chẳng dính. Sư theo Sa-môn Bảo Lượng chùa Linh vị học hỏi các kinh luận. Văn lý thông đạt, rất nổi tiếng. Tánh Sư oai linh chẳng nhiễu, riêng tự tôn sùng, nếu chẳng đắc ý, thì ít tiếp xúc. Vua Võ Đế (Tiêu Diễn) lấy phép nhà tăng mà trọng đãi, Ngô Bình Hầu Tiếu Bính cùng dùng lễ mà tiếp đãi Sư.

Trong mùa hạ niên hiệu Thiên giám thứ mười sáu (năm trăm mười bảy) Vua Võ Đế thường đêm gặp gỡ Sa-môn Tuệ Hủ. Ngày sau, nhân đến nơi Pháp hội. Sư hỏi ngài Tuệ Hủ rằng: "Đêm trước nhà vua nói gì?" Ngài Tuệ Hủ bảo Sư: "Ông sao vội hỏi vậy?"- mà lời tiếng rất hung dữ. Sư bèn thẳng tiếng mà bảo rằng: "Tôi và ông đồng đến Tây châu đều làm Sa-môn. Ông chỉ một lúc được mời gặp vua tiếp đãi liền muốn lấn bước đồng bạn. Tôi chỉ kính thờ Phật, xem các ông khinh thường như vậy." mọi người trong pháp hội đều thấy ngài Tuệ Hủ tỏ vẻ hổ thẹn. Tánh Sư thẳng thắn đều đại loại như thế.

Đến niên hiệu Phổ thông thứ tụ (năm trăm hai mươi ba) Sư thị tịch, thọ năm mươi chín tuổi.

8/- Truyện Thích Tăng Mân trụ chùa Trang Nghiêm ở Dương Đô.

Thích Tăng Mân, họ Tôn, gia đình ở tại Phú Xuân thuộc Quận Ngô. Có Ngô Khai Quốc Đại Hoàng Đế là tổ tiên của Sư. Thuở bé, Sư mồ côi, không được chăm sóc, Sư vừa biết nói đã ưa thích đối với Đạo.

Năm bảy tuổi, ngài xuất gia, tại chùa Tây Sơn ở Hổ Khâu, làm đệ tử Sa-môn Tăng Hồi. Sư theo thầy thọ học năm bộ kinh. Chỉ nghe qua một lần là ghi nhớ. Tinh thần Sư thấu suốt vượt ngoài đồng bạn, vượt lên mọi người. Thường cùng đồng bạn nói đùa về các Điển lễ, trong lòng Sư không sao khỏi sự bùi ngùi, muốn lấy làm trách nhiệm của chính mình.

Tống Lại Bộ Lang Ngô Quận Trương Biện hỏi Sư rằng: "Sa-di, họ gì? nhà ở đâu?" Ngài đáp: "Bần đạo họ Thích, nhà ở tại núi này." Trương Biện rất lấy làm lạ, đặc biệt dẫn đến Trương tự, Trương tự trông thấy bèn ngợi khen rằng: "Cây thông cây bách tuy nhỏ mà đã có khí phách cao đến tận mây". Do đó mà tiếng tăm Sư vang xa.

Năm mười ba tuổi, Sư theo thầy đến đô thành, trụ chùa BạchMã. Chư Tăng trong chùa phần nhiều lấy việc chuyển đọc xướng đạo làm chuyên, mà phong vận Sư trông xa, song không hề để ý. Năm Sư mười sáu tuổi thì Sa-môn Tăng Hồi thị tịch. Ngài buồn thương kính tiếc. Sau khi tang lễ hoàn tất, Sư dời đến trụ chùa Trang Nghiêm, kính ngưỡng tôn thờ Ngài Đàm Cảnh. Ngài Đàm Cảnh vốn trụ chùa ấy đã lâu, nên có phong hoá phép tắc. Lớn nhỏ đền hòa theo. Chùa cung cấp cho chư tăng đầy đủ. Sư an bần khéo học, cùng các vị Pháp Vân, Thiền Cương, Pháp Khai là bạn cùng ở trong chùa bẩm học kinh luận ở bốn Ngài Tăng Nhu, Tăng Thứ, Đạo đạt, Pháp lượng, ban đêm thì ngủ chung chăn, ban ngày thì mượn y áo của nhau để mặc, thăm hỏi qua lại, chẳng trốn lánh nóng lạnh. Sư dốc sức tinh thần quả thật như thế! Sư rất thấu suốt Số luận, nghiên cứu tất cả các kinh luật. Nhìn đầu rõ cuối, xem ngoài biết trong. Nội xét chính mình, bên cạnh lại mở mang cho đồng bạn. Nghi trước, kết xưa, không gì chẳng tan lở. Tuy mạng thế thạc học có biện luận đúng sai, nhưng Sư ở ngay trong trong đó mở mang không hề bưng bít. Mối sáng đã hiển trước, phong du càng rộng xa. Tề Văn Tuệ Đế Cánh Lăng Vương Tử Lương, rất qúy kính, thỉnh mời liên tiếp.

Thượng Thư Linh Vương Kiện thỉnh Sa-môn Tăng Tông giảng kinh Niết-bàn. Sư thưa hỏi liên tục, mọi lời đều bẻ gãy người vấn nạn. Vương Kiệm nói rằng: "xưa kia, ngài Trúc Đạo sinh vào đến Trường An. Diêu Hưng đến vườn Tiêu Dao cùng diện kiến, bèn hỏi vặn Đạo Dung nghĩa qua lại hơn trăm phen, mỗi lời đều cần kíp. Mọi người đều thấy được phong thần ấy. Và đều kính phục năng lực tài giỏi của Ngài Đạo sinh. Nay đây, Pháp sư Tăng Mân vượt ngộ Thiên thể, tánh cực chiếu cùng, mỗi lời hẳn qua khuôn phép. Khiến cho trước không thể dàn trận, nên bèn vượt qua!"

Văn Tuyên thường thỉnh hai Pháp sư Tăng Nhu và Tăng Thứ đến chùa Phổ Hoằng cùng giảng Luận Thành Thật. Lớn cùng thông thắng, mũ lọng che thành bóng râm. Sư ngồi ở cuối pháp tịch, luận bàn, từ chỉ trong mới, đặt lời rộng xa, qua lại thần ứng, khiến thính chúng lắng tâm chăm chú. Ngài Tăng Thứ Công bèn buông cây phất trần mà than rằng: "Lão phu thọ nghiệp ở Bành Thành, nghĩ đến năm tụ ở đây. có

mười lăm lần lấy làm quật nạn. Thường hận chẳng gặp được kình địch, ắt muốn nghiên cứu đến cùng. Từ lúc đến Kinh Lăng tới nay đã nhiều năm, mới thấy hết ở ngày nay. Vả lại, để thử nghĩ đó, đến buổi giảng sau sẽ đáp? Đến chiều lên giảng, mới đáp vài giao từ, nghĩa bị ngăn bít. Ngài tăng Thứ công đổi sắc mặt, nhìn thính chủng khắp pháp hội mà nói rằng: "Người sinh sau đáng sợ! Lời nói ấy đáng tin!"

Đến niên hiệu Vĩnh Minh thứ mười (bốn trăm chín mươi hai)- thời Nam Tề, lúc đó, Sư mới hai mươi sáu tuổi. Lần đầu tiên đến chùa Hưng Phước, Sư giảng Luận Thành Thật. Các bậc Luận sư tiền bối có sự nhận biết cao xa ở thời bấy giờ đều ngồi dưới chiếu. Pháp hội ấy, thỉnh chúng đông như chợ, chùa núi khắp nơi trong ấp không đâu chẳng đóng cửa để nhóm họp. Các hàng áo mão sĩ tử khắp bốn phương đua nhau kéo đến, ngồi xếp đầu gối lên nhau mà chẳng cho là chật. Sư giảng nói tuy suốt ngày, nhưng không tỏ vẻ mệt nhọc. Mọi người đều kính ngưỡng Sưnhư Nhật Nguyệt. Những người mong mỏi Đạo phong kính mến Đức hạnh của Sư, chẳng ngại xa muôn dặm cùng đến. Từ thời nhà Tấn, nhà Tống tiếp nối các bậc Luận nghị phần nhiều chỉ bàn cao nói lớn, đua tranh cùng khoa trương. Đến lúc Sư giảng nói mới thật là bậc thầy khuôn phép. Oai linh lạc tú, thượng cơ biến hóa như Thần. Lời tiếng nghe nói đúng khuôn phép. Trong pháp hội không bạn lớn tiếng. Kế nữa, tánh tình Sư rất nhường nhịn, chưa từng dùng lý hơn bắt ép người khác. Sư đối xử với chúng lắng mắt như nhập thiền định. Đó là các hàng Đạo tục cùng suy tôn Sư như thế. Người đương thời khen ngợi Sư rằng: " Sư giải thích nghĩa sâu, thông xưa không ai bằng, điều suốt thể chung, người nghe nhận dễ tỏ ngộ, ngõ hầu mới rộng các Dị Luận, đại đồng với chánh pháp!". từ đó, tiếng tăm Sư chấn động khắp dưới trời, thính chúng đông hơn ngàn người. Sư chăm chăm khéo dẫn dụ, không hề bảo là mệt nhọc!

Tấn An Thái Thú Bành Thành Lưu nghiệp từng nói với Sư rằng: "Pháp sư thông hiểi kinh luận. Cớ sao lập nghĩa có lắm Nho?" Sư đáp: "Đời Tống mến qúy ngài Đạo Sinh mở Đốn Ngộ để thông kinh. Ở đời Tề kính trọng Ngài Tăng Nhu ảnh hưởng Tỳ Đàm để giảng luận. Còn Bần Đạo Chỉ y cứ Văn Kinh, Văn Huyền thì Huyền, Văn Nho thì Nho."

Bấy giờ, Cảnh Lăng Vương Thế Tử Tha Chiêu. Trụ ra trấn giữ Cối kê, cần Sư cùng đi, Sư bảo: "Tôi chỉ giảng tịch cùng biết chưa từng tu qua. Nghe kia được quận, bèn là lang bái xa cách!" Trong ý không muốn. Mọi người nhân đó cũng bèn thôi.

Niên hiệu Vĩnh Nguyên thứ nhất (bốn trăm chín mươi chín) thời

Nam Tề, Vua Đôn Hôn Hầu (Túc bảo Quyền) ban sắc cho tăng cục thỉnh ba vị tăng vào vườn Hoa lâm để giảng hạ. Tăng Chánh suy tôn Sư làm Pháp Chủ, ngài từ chối. Có người hỏi vì sao? Sư đáp: "Đó là đượm nhuần pháp sư bên trong, chẳng ích lợi Học sĩ bên ngài. Nên không thể gọi đó là giảng." Từ đó tiếng tăm Sư lan truyền khắp xa gần. Tên tuổi vang động khắp chốn kinh đô. Lang Da Vương Trọng Bảo, Ngô nhân Trương Tư Quang là những bậc có sức học thấu suốt ở đương thời, thanh bạch trong sạch riêng tuyệt, đều đến phân thỉnh, dùng dải the mộc để giao bày. Từ sau năm thành lập từng chuyên sự mở giải, phát triển thành Tông Tượng. Chín bộ loại, năm thời giáo đều như các ngón tay trên bàn tay. Lý mầu phục nạn thản nhiên dễ dàng. Nên các hàng tăng tục đều nối nhau thỉnh mời khó nhọc. Bấy giờ, linh văn sớm thành, mang phong khí từ trước đến, các bậc kỳ túc tố vọng, có tâm hổ thẹn về mới cũ. Bày phục thì sánh vai, kiều quan thì thỉnh thoảng xuất hiện. Sư tùy phương lãnh hội, mở rộng lượng có thừa, đều ngậm kiệu ngọc, gác vánh đi mau, đâu phải chỉ một người mà thôi.

Gặp lúc nhà Tề trải qua sự giữ gìn đạo pháp thuộc loại tối cao. Bấy giờ, có ngài Pháp Sủng, kẻ tiểu nhân ở đời ganh ghét Quân tử. nhân lánh đất Từ Bộ, bèn nhận lời thỉnh đến đất ngô. Bánh xe Chánh Pháp tiếp tục xoay chuyển. Cờ đẹp thường luôn dựng lập, đều tuy căn cơ mà được đượm nhuần, có tiếng vang vọng khắp Bắc Nam. Đến thời Hoàng Lương ứng vận mới lắm nhiều, từ xa noi theo nhà vua.

Niên hiệu Thiên Giám thứ năm (năm trăm lẻ sáu) thời Nam Lương, Sư đến kinh đô, Thiên hạ lễ tiếp dưới chiếu, rất đỗi mừng vui. Vua Võ Đế (Tiêu Diễn) ban sắc cho tăng Chánh Tuệ Siêu mang chiếu chỉ đến phòng, muốn khuất phục các vị Pháp Sung, Pháp Vân, Nhữ Nam, Chu Xả, v.v.v. bấy giờ Sư vào vườn Hoa lâm, giảng luận đạo nghĩa. Từ đó về sau vị trí ưu việt của Sư ngày càng rực sáng. Niên hiệu Thiên giám thứ sáu (năm trăm lẻ bảy) Vua Võ Đế ban chế văn cho Sư chú giải Kinh Bát-nhã, để thông khắp đại huấn. Khắp cả triều qúy đều nghĩ mở rộng quyết điển. Vua lại thỉnh năm vị Đại Pháp sư ở trong kinh ấp đến trụ năm chùa giữ việc giảng pháp. Và Vua mời Sư ở bên phải nhà vua. Sư mới trông nhìn thấu rõ thâm tình nhà vua rất vui vẻ. Nhân đó, Vua thỉnh Sư làm Gia tăng, luôn cung cấp đầy đủ bốn thứ cần dùng.

Vua Võ Đế lại ban sắc thỉnh Sư đến Điện Tuệ Luân, giảng Kinh Thắng-man. Và Vua đích thân đến nghe. Đồng thời vua chọn các vị Tăng tục có tài học như Ngài Thích Tăng Trí, Tăng Hoằng, Lâm Xuyên Vương Kỷ Thất, Đông Hoàng Lưu, v.v.... Sao lục tất cả các kinh luận,

xếp loại thứ tự, tất cả có tám mươi quyển, đều bảo lấy sự phán quyết ở Sư.

Đến niên hiệu Thiên giám thứ mười một (năm trăm mười hai) bỗng nhiên Sư bị bệnh phong. Sau đó tuy có giảm nhẹ song tâm ý còn quên lầm, nói năng chậm chạp vấp váp. Sư bảo: "Từ lúc lên tòa giảng nói đến nay đã hai mươi năm. Như thấy bịnh hiện tại là thuộc loại không thể bình phục, nên việc giảng nói đến đây là hết!" Sư bèn sửa sang trong phòng, lập đạo tràng riêng, đêm ngày lễ sám. Sau đó, Ngô Quận Thái Thú Trương Sung, Ngô Hưng Thái Thú Tạ Lã, mỗi vị đều sai Liêu Tả đến đô dâng biểu để phát khiển, hai Quận đón rước, thuyền chật cả bến sông. Các vị học sĩ ở kinh đô nhóm họp như sương mốc nhóm đọng. Trên đường đi ngang qua các bậc Thú Tể không ai chẳng đón chào. Tấn Lăng Thái Thú Thái Tỗn ra hầu ở cửa đón rước Sư mà khen ngợi rằng: "Xưa kia, Trọng Ni có đức làm vua ở thời nhà Chu, nay đây, Bân Công lại có đức làm vua ở thời nhà Lương!"

Đến những năm cuối niên hiệu Thiên giám (năm trăm hai mươi) Vua Võ Đế ban sắc Sư trụ chùa Trang Nghiêm, thiết lập tám tòa Pháp luân. Năm vị tăng giảng Pháp, lấy niên lạp mà sắp xếp thứ tự. Sư được ở sau cùng. Đồ chúng rất nhiều, giảng đường chùa Trang Nghiêm là do Vua Thế Tổ thời nhà Tống xây dựng, loan lô thêm bóng, diên nhâm lâu xa, đến mãi ngày ấy, chẳng chứa thính chúng. Vị tăng chấp sự dâng Khải văn tấu trình. Vua Võ Đế có ban sắc đình chỉ việc giảng pháp năm ngày, tháo dời vách cửa khắp bốn phía ra khỏi ngoài mái tranh, lại đưa đến cung cấp năm mươi chiếc giường, vẫn còn chật chội. Các thứ quán trình bẻ phá, mỗi ngày có đến mười mấy người đến đông đảo đều thuộc loại ấy. Nhân đó, Sư xả thí tất cả mọi vật đã thọ nhận để lập giảng đường lớn. Sư bèn truyền giao cho các vị tăng sau.

Sư lại đến chùa Giảng Tỉnh để giảng Kinh Thập Địa. Nhà cửa trước kia chỉ có năm gian, Sư lo bị chật chội nên ngay trước giảng đường tạm dựng thêm năm gian, hợp lại thành một nhà. Song, tới lúc giảng thì trong chùa đều đông chật. Sự cảm hóa động đến như thế ý chẳng phải lường được. Thuở thiếu thời, Sư cùng Tề nhân Trương Dung Tạ Thiếu kết bạn lành. Các bậc tài học thông nhân trong nước không ai chẳng đến lễ. Ngài tuy ở danh vị Qúy trọng nhưng chẳng mừng vui vinh hiển, chỉ an nhàn ở một ngôi thất, kén chọn các bậc hào hữu. Mọi người thường trách hận như thế, chỉ có Ngô Quân Lục Thụy là người học rộng tự xử, danh vị hiển thông, sớm sùng lễ kính. Sư cũng rất kính trọng mến qúy. Bấy giờ, Thái tử Tung Thứ Liêu Tùng đến phòng, Sư cáo bệnh chẳng ra

tiếp. Lục Thụy mừng vui tự nhiên nói rằng: "Đó thật là điều hoài mong của đệ tử!" Mọi người đều suy tôn sự mến qúy danh đức của Lục Thụy và càng qúy trọng sự chẳng hướng đến nơi đời của Sư.

Mãi đến cuối niên hiệu Phổ Thông (năm trăm hai mươi bảy) về sau, bệnh trước của Sư liên tục hoành hành. Sư muốn trở lui để yên tĩnh. Giữa đêm ngài bỏ về Hổ Khâu, không người nào biết. Bấy giờ, Tiêu Ngang ra trấn thú ở Ngô Hưng, muốn đi ngang qua núi để kính lễ Sư. Sơn Chủ Trí Thiền đã biết trước nên mách bảo cùng Sư, Sư bảo: "Tôi là người bệnh ở chốn núi chầm, không việc mà tiếp kiến như qúy hai ngàn thạch. Xưa Đới Ngung ẩn cư tại Bắc lãnh. Tống Giang hạ Vương vào núi muốn đến đó. Đới Ngung nằm dưới cửa sổ chẳng chịu tiếp xúc. Tôi tuy đức mỏng, xin nương cậy vào sự việc của Đái Công!"Tới lúc Tiêu Ngung đến, Sư bèn theo cửa sau mà trốn. Năm đó, Hoàng Thái tử sai Thông sự xá nhân Hà Tư Trừng vâng lệnh đến lễ. Đem các thứ kỷ trượng, lò hợp, chăn chiếu, chổi, quạt v.v.. đến tặng.

Đến niên hiệu Đại Thông thứ năm (năm trăm ba mươi mốt) vua Võ Đế ban sắc thỉnh Sư dời về trụ chùa Khai Thiện. Và sai quan sở tại lo đủ lễ để phát dẫn, không trốn được, Sư thường ngẩng đầu trông ngóng nhìn trời. Đang trên đường đi, cơn bệnh tăng lên dữ dội, không kham nổi tới chùa, nhân đó tạm dừng ở chùa Trang Nghiêm. Sư bèn lưu ở mãi đến Đại tiệm. Các thứ lương y, thượng dược luôn đầy đủ trong chùa. Trung sứ Tham hầu cùng ngóng trông săn sóc. Đến sáng sớm ngày mồng một tháng hai niên hiệu Đại Thông thứ tám (năm trăm ba mươi bốn) Sư thị tịch tại phòng ở trong chùa, thọ sáu mươi mốt tuổi.

Vua Võ Đế buồn tiếc, Trữ quân than oán. Vua ban sắc đến ngày mồng sáu tháng hai, an táng xây dựng tháp mộ tại chùa Khai Thiện ở Chung Sơn. Mọi sự lớn nhỏ trong lễ tang đều tùy sắp đặt đầy đủ. Ẩn sĩ Trần Lưu Nguyễn Hiếu Tự soạn bia chế nơi tháp mộ. Các Đệ tử như Trí Học, Trí Khánh, v.v.. lập ba văn bia. Trong đó, có hai văn bia do Hoàng Thái tử Tương Đông Vương soạn chế văn, dựng ở bên cạnh tháp mộ, còn một văn bia do Trương Sĩ Hà Dận soạn văn dựng ở tại chùa.

Ban đầu, Sư thường ưa thích Thiền mặc, bèn y theo chỗ lập nghĩa mà khắp an tâm, qua thời gian khoảng mười ngày đã nhập định được. Sư đem hỏi, và các Thiền sư đều bảo rằng: "Nhà cửa tuy có khác, song sự vắng lặng thì không khác." Sư đã từng trong những ngày giảng pháp mà nói với đại chúng rằng: "Xưa kia, Di Thiên Thích Đạo An thường giảng, sau khi ngồi thiền, thường bảo Đô giảng v.v.. vì các loài tụng đọc kinh ba lần. Ấy là trước đã tu nghiệp hạnh thù thắng." Sư muốn đến nơi đại

chúng, mỗi người trì tụng Kinh Quán thế Âm một biến, khi ấy cả pháp hội đều vui mừng, xa gần đều cùng thực hành. Về sau các hàng Đạo tục xả thí mọi vật cầu xin giảng trước lúc tụng kinh. Do đó mới bắt đầu.

Bấy giờ, tại chùa Linh Căn có Tỷ-khưu Thích Đạo Siêu chuyên cần tự gắng tập học, ý nguyện muốn được hiểu rõ như Sư. Ban đầu nằm mộng, thấy một người bảo rằng: "Pháp Sư Tăng Bân ở thời Phật Tỳ-bà-thi đã có giảng nói. Nay ông mới tu tập làm sao sinh bằng được! Nhưng chỉ tự gắng công, chớ lo không thành đạt, tùy phần được giải ngộ". Về sau, Ngài Đạo Siêu thật sự đại lãnh ngộ.

Sư thường tu tạo tượng Phật Di-lặc và các pháp cụ cúng dường, sớm tối lễ bái tham yết, mộng thấy Phật Di-lặc sai Bồ-tát hoá hiện đưa cây bồ-đề đến cho Sư. Vị Bồ-tát ấy bảo: "Cây Bồ-đề, đời Lương dịch là cây Đạo tràng. Đệ tử phải nói lời ấy." Sư nghe nên cố gắng, bảo rằng: "Lễ có sáu giấc mộng, chánh mộng chỉ có một, mới là trước bày tốt xấu. Nên khắp nơi dựng lập cung chiêm mộng. Đời sau bèn phế bỏ. Vì người đời bạc bẽo, rất lắm giả trá. Điềm mộng trước của tôi là do tâm tưởng, các ông chớ nên rao truyền." Vì Trang Nghiêm cửa chùa và các tường vách xưa làm thợ không khéo léo. Thêm nữa, chùa Sơn Tây tại Hổ Khâu xây dựng vào đời Ngô đã rã mục hư hoại vì quá lâu ngày. Sư đều sửa sang thay đổi, mọi việc hoàn thành rất rộng đẹp. Sư tu tạo kinh tượng, toàn chẳng cất giấu, hễ người nào cần thì Sư dâng cấp, với việc phóng sinh bố thí, Sư không hề mỏi mệt phế bỏ. Có vị Đệ tử hỏi Sư rằng: "Hòa-thượng tu tạo Công đức thật nhiều, nhưng chưa khai mở dựng lập Đại trai hội, sợ e việc phước chưa viên mãn". Ngài Bảo: "Đại trai hội là có ích lợi của một thời phát khởi, tôi ít thiếu nhân lực, khó được hết lý. Vả lại, gạo rau tương dấm củi nước than tro, dẫm đạp... làm thương hại với số lượng vi trùng rất nhiều. Tôi chỉ lo sợ có chừng ấy việc nên chẳng dám làm. Như lại, cầu gởi nơi cung vua, Quan phủ, những nhà có thế lực, bảo làm tuy nhiều mà lại càng khó hết ý. Kẻ nhận thức gần trông thấy, nhờ đó mà được khai ngộ. Còn người trí nhìn người có cái cười cầu danh. Cầu xin pháp tục xâm tinh sớm đến. Nếu không chuyên chí thì sẽ trái với tâm trắng trong. Như hiện ngay lời này còn phải đi qua sự chê cười, nên tôi chẳng làm."

Ngài nói năng khéo léo, cử chỉ tốt lành, thốt ra lời cao quý, tự sinh nhìn ngắm, gió thoảng đầy nhà. Phàm mọi việc làm, Sư chẳng vì danh lợi, chuyên cần chú giải kinh giáp, cố gắng ở lời tỏ ngộ. Người trước mình sau, thường như chẳng bằng. Thường có những vị thầy khác nói đệ tử chẳng cung kính. Sư bèn gọi đến để gặp gỡ, vì lập bày các thứ ăn

uống rồi dùng các phương tiện để dẫn dụ, bèn thành Thiện Sĩ. Sư sống không Tả đạo bói toán, chẳng có vọng hoặc phàm phu. Lại chẳng giả trá kỳ quái tể dối gạt những người nhận thức cạn cợt. Các hàng Qúy nhân Quân tử đều ảnh hưởng kính mến đến Sư, những người thương nhân buôn bán cũng nhìn đạo phong mà sợ kính. Hễ nghe đến tên Sư thì kẻ tà ngụy thành chánh, lẻ thô bị thành ngay.

Ngài soạn các bộ: Luận Sớ tạp tập, Tứ Thanh Chỉ Quy, Thi Phổ quyết nghi v.v.. có hơn trăm quyển lưu truyền ở đời.

9/- Truyện ngài Thích Pháp Vân trụ chùa Quang Trạch ở Dương Đô.

Thích Pháp Vân, họ Chu, người ở xứ Dương Tiện thuộc Nghi Hưng, là con cháu bảy đời của Tấn Bình Tây Tướng Quân Xứ. Mẹ của Sư họ Ngô. Lúc mới sinh Sư, thấy khí mây đầy phòng. Nhân lấy đó mà đặt tên là Pháp Vân.

Năm lên bảy tuổi, Sư xuất gia, lại pháp danh là Pháp Vân. Sư theo thầy ở chùa Trang Nghiêm làm Đệ tử ngài Tăng Thành Huyền Thú Bảo Lượng, Sư là người tài giỏi, vượt lên mọi người ở đương thời. Năm mười ba tuổi, Sư mới bắt đầu thọ nghiệp, rất được Ngài Tăng Tông ở chùa Đại Xương, Ngài Tăng Đạt ở chùa Trang Nghiêm khen ngợi. Ngài Bảo Lượng từng nói: "Thần minh của ta thù đặc chẳng ai sánh bằng. Tương lai hẳn làm rường cột cho Đại Pháp!"

Vào niên hiệu Vĩnh Minh (bốn trăm tám mươi ba-bốn trăm chín mươi bốn) thời Nam Tề, Pháp Sư Tăng Nhu trở về phương Đông, đến chùa Đạo Lâm khai mở giảng Pháp. Sư đến dò hỏi quyết trạch nhiều ngày, văn từ ý chỉ khơi phát. Đại chúng đều khen lạ, Sư tuổi nhỏ ngồi xa, tiếng hỏi khó rõ manh mối. Ngài Tăng Nhu bảo chiếc ghế nhỏ ở ngay trước, để cùng nhau hỏi đáp qua lại. Do đó mà Sư nổi tiếng.

Sư và sa-môn Tăng Bân cùng ở chung chùa, tuổi tác ngang nhau, danh tiếng ngang bằng, hai vị cùng trải qua gặt hái ở các vị thầy hoặc kinh, hoặc luận, suốt bốn mùa đi nghe giảng pháp, thời tiết nóng lạnh chẳng thôi nghỉ. Hai vị hoặc giảng trước, giảng sau, đầu đêm cuối đêm xét thuật văn nghĩa. Những lúc nhàn rỗi, đi trên đường nghĩ suy nghĩa lý, nên chẳng tự biết đã đi quá chỗ đến, hai vị chuyên cần cố gắng đến nỗi như thế.

Sư từng xem sa-môn Pháp Điều ở chùa Trường lạc giảng luận. Khi ra mà ngoái lại bảo rằng: "Thành đô của Thiên tử xứ Chấn Đán (Trung Hoa) thật giàu có áo mão, cử chỉ oai nghi chớ cho là dễ làm. các

vị Pháp sư trước sau, hoặc có từ không nghĩa, hoặc có nghĩa không từ, hoặc có cả từ lẫn nghĩa, mà luống qua không oai nghi. Ngày nay Pháp tọa đều đã khuyết thiếu. Tất cả đều do tập học chưa tốt, chưa nên giảng nói!"

Mùa Hạ niên hiệu Kiến Võ thứ tư (bốn trăm chín mươi bảy) thời Nam tề, lúc đó, Sư ba mươi tuổi, bắt đầu ở chùa Diệu Âm, khai giảng hai bộ kinh Pháp Hoa và Tịnh Danh. Mở đầu, phần chánh, nguồn, ngọn, các phần danh loại, người học đến đông như biển, bốn chúng đầy chật giảng đường, đều cho rằng Lý nhờ lời mà được diễn tả cùng tận. Trang quyển còn không, đến lúc Sư vì khách lập bày ngang dọc, so sánh phân loại, Sư có biện tài như gió nhanh, ứng biến dường mưa chạy. Đáng sự bén nhọn ấy ít người chuyên tâm, khách chủ đều than thở, đồng liêu đều vui mừng. Người đương thời gọi Sư là "Tác Huyễn Pháp Sư". Sư khéo giỏi giảng kinh riêng bước một mình ở đương thời. Tề Trung Thư Chu Ngung, Lang Da Vương Dung, Bành Thành Lưu Hội, Đông Hoàn Từ Hiếu Từ v.v... là những vị nổi riếng một đời, đều đến chẳng kết giao trái nghịch. Hiếu Từ thường ngày trông thấy Sư tuấn phát, tự nhìn lại sự khiếm khuyết nơi mình, mà tánh linh thành hiếu, nhọc nơi sắc dưỡng.

Đến lúc Sư chịu tang mẹ, hủy hoại suy gầy quá lễ, qua nhiều ngày chẳng ăn, nguy ách chẳng hơn tang. Ngài Tăng Bân thấy vậy bảo rằng: "Các bậc Thánh đặt ra lễ pháp. Các Hiền giả noi theo, những kẻ chẳng Hiền mong ngóng, hủy hoại chẳng diệt, tánh còn ra khỏi Nho Tông. Huống gì Phật có lời rất chí thiết là muốn báo đáp ân đức sinh thành, gần thì ngay đời nầy hiếu dưỡng nuôi nấng cha mẹ, khiến mọi vật sinh vui. Xa thì khai mở tâm Bồ-đề để dẫn dắt thần thức."

Ngài Tăng Bân lại bảo: "Ân ái là thứ giặc quan trọng, không thể xem thường, xem thường ân ái là việc khiến người thân quyến luyến mà đọa vào đường ác. chỉ có người trí vận dụng sức phương tiện, khéo léo chế ngự thì ngõ hầu người còn kẻ mất đều hướng về con đường tốt lành. Cần phải nghĩ đến lý xa để khiến có thành bến bờ, đâu thể dung tình đồng như gần vậy ư?" Nghe vậy, Sư bèn cắt bỏ tình cảm u buồn nhỏ nhặt, đến ăn chút cháo.

Niên hiệu Vĩnh Nguyên thứ nhất (bốn trăm chín mươi chín) thời Nam Tề, Sư có nhận lời thỉnh của quận Tỳ Lăng, các hàng Đạo tục cùng cả nhà, các hàng dị đạo cũng nhóm họp, Sư chấp pháp mở mang Phong du, Đạo tỏa khắp kinh thành. Cổ vũ mọi người biết quay về, các hàng cân đai biết trở lại. Đến lúc nhà Lương lên ngôi, cũng rất khâm trọng kính lễ.

Niên hiệu Thiên Giám thứ hai (năm trăm lẻ ba) thời Nam Lương, Vua Võ Đế ban sắc thỉnh Sư vào ra các điện, ảnh hưởng mở mang, dần dần tán dương lợi ích. Hoàng Cao vội mời nghĩa tập, không hề chưa ban sắc mà Sư vào trước, sau đó mới hạ chiếu lệnh. Bấy giờ các bậc danh đức, mỗi người tự soạn luận Thành Thật nghĩa sớ. Sư bèn gom nhóm các kinh luận hợp soạn, có bốn mươi khoa, làm thành bốn mươi hai quyển. Không bao lâu đã nghiên cứu xong. Vua Võ Đế lại ban sắc ở tại chùa ba lần giảng nói, rộng mời các bậc nghĩa học sung bổ vào các Đường Vũ. Vua ban sắc truyền Chiếu, các thứ xe, bò, lại lực đều chuẩn bị đầy đủ.

Đến niên hiệu Thiên Giám thứ bảy (năm trăm lẻ tám) Vua Võ Đế ban chế văn chú giải Kinh Đại Phẩm. Các hàng Triều qúy thỉnh Sư giảng giải. Sư cáo bệnh khước từ chẳng đến. Vua Võ Đế nói: "Đệ tử đã đang ở ngôi ngày nay, Pháp Sư là bậc Danh Đức hậu lai, lưu thông không chỗ nương tựa, không thể chẳng tự lực mà giảng nói?" Nhân đó mà Sư theo đến. Sau đó, Vua lại ban sách chiếu thi lễ thỉnh Sư làm Gia tăng. Tư cấp rất ưu đãi nồng hậu. Vua ban sắc Sư làm chủ chùa Quang Trạch. Mở đầu lập ra Tăng chế, để làm khuôn phép cho đời sau. Hoàng thái tử lưu tình trong ngoài, chọn mời mười vị tăng vào nơi Hoàng Phố. Trải qua hai mùa hạ chẳng ngừng giảng kinh mà cũng huyền đàm ngoài văn. Sư ở địa vị Thượng thủ, riêng thêm cúng thí. Từ các bậc Vương Hầu cho đến những người giàu sang vinh hiển. Không ai chẳng khâm phục kính trọng. Còn như đối với các việc tốt xấu vui buồn, Sư chẳng hề tránh né thời tiết nóng lạnh. Người đương thời gọi đó là giao du hào hiệp, nhưng Sư vẫn liền hoằng pháp, chẳng vì lời nói ấy mà Sư lo toan.

Trung Thư Lang Thuận Dương Phạm Chẩn soạn "Thần Diệt Luận." Các hàng quan liêu chưa hiểu rõ lý ấy, nên trước tiên đem tấu trình, Vua Võ Đế ban sắc bảo Sư giảng giải luận ấy để tuyên bày cho các hàng Thần hạ. Sư bèn bảo khắp cùng các hàng triều sĩ viết chép luận ấy. Lời văn tuy khác lạ mà lý nghĩa thông thường. Sư lại cùng Thiếu phó thẩm ước viết rằng: "Chúa thượng bảo xét Thần Diệt Luận, nay khiến cùng trình. Phàm Thần diệu vắng lặng, có thể biết mà không thể nói. Nghĩa kinh hợp mà chưa rõ, lý đã đến sáng mà còn mịt mờ, bậc chí nhân thì bất động chiếu soi, vốn có theo Đạo, đến cơ thì rũ xét. Thần hạ thì chỉ huấn kín khắp. Cúng tế hiếu hưởng đã rõ ràng. Có tâm kính mến Tăng sử, lời của ba đời lại mở mang. Trụ trong tình của Ba-luân. Dự chẳng là cây cỏ, ai chẳng thở than, đồng nén đi phong du; cùng thêm mở mang khen ngợi." Thẩm Ước đáp rằng: "Thần vốn chẳng diệt, là việc đáng theo. Bàn nói về Thần diệt, khéo dụng kinh sợ. Gần Ước Pháp Sư,

trong điện cũng được sắc đáp một bản, vui mừng nhận lấy cung kính tìm xem quên cả nhọc mệt. Đâu nhọc nép phục ngoại đạo ấy để lìa hẳn các thứ ma. Khổng Giáo, Thính Giáo đều mở mang ở đó. thật là Hoằng chỉ chẳng khắc, thuyền bè của tram đời. Đệ tử cũng ngay nơi luận ấy hơi để chút nghi xét, so sánh triển bày đầy đủ để tấu trình."

Đến khoảng cuối niên hiệu Thiên Giám (năm trăm hai mươi) Sư muốn đền đáp ân của Thí chủ, nên đến trong làng Đồng Hạ thuộc huyện Mạt Lăng xây dựng một ngôi chùa. Vua Võ Đế ban sắc cho rằng Pháp Sư xây dựng chùa, có thể lấy tên của Pháp sư để đặt hiệu. tức là núi ở phía Tây của Thiền Cương. Giao quách nội địa, thật cao ráo sáng sủa, xây nhà chót vót trên đảnh núi, xoay mặt hướng Bắc thành thị, là nơi khe suối ẩn non, nơi tận cùng hoang dã. Suốt ngày Sư luận bàn, không hề nghỉ bỏ. Đến những năm gần cuối niên hiệu Thiên giám (năm trăm hai mươi), nước Phù Nam đem đến dâng tặng ba Bộ Kinh. Vua Võ Đế ban sắc cho Sư phiên dịch. Sư quyết trạch rõ ràng ngôn ngữ Hoa Phạm, đều lý sáng ý bày, tướng trạng như đích thân vâng thừa. Vua sao chép các kinh Phương Đẳng, soạn tập Pháp thức thọ giới Bồ-tát, xây dựng đạo tràng Đẳng giác. Thỉnh Pháp Sư Tuệ ước chùa Thảo Đường làm Trí Giả, đích thân nhà vua cầu thọ Đại giới để tự trang nghiêm. Từ đó về sau, các hàng Vương hầu Triều sĩ Pháp tục khắp thành đô hoặc có người tuổi tác lớn hơn Trí Giả, đều kính vọng Đạo phong bao la, đến thưa hỏi Pháp thức thọ giới. Sư bảo: "Giới Ước là một, trước đã đồng bẩm, nay lại lãnh thọ, thật không điều gì khác." Có lúc như thú hướng, cố chấp ở đó. Vua nhiều lần khuyên giúp, thường nói bày dẫn dụ thêm. Sư bảo rằng: "Trước tiên phải phát nguyện, nếu được tương ưng, sau mới thọ". Ý ngài muốn tâm Bồ-đề trong ngoài khắp đủ. Bỏ những gì ngoài mình để thí cho chúng sinh. Mở thông điện Quang Hoa ở vườn Hoa Lâm, thiết lập Đại hội cúng dường ngàn vị tăng, phân các vật ấy thành năm thứ công đức. Thượng Đế tùy hỷ cảnh phạm theo thời, vàng ngọc sáng chói, trăm khí chan hòa, các thứ kỹ nhạc rất nhiều, người trông xem nghiêng thành, không ai chẳng khen ngợi.

Đến niên hiệu Phổ Thông thứ sáu (năm trăm hai mươi lăm) Vua Võ Đế ban sắc Sư làm Đại Tăng Chánh, thiết lễ Đại hội cúng dường ngàn vị tăng tại chùa Đồng Thái, rộng chiêu tập các vị Tri Sự và các bậc học hạnh Cao Tăng ở các chùa, yết-ma bái trao đặt vị Vũ Nghi. Mọi người thấy nghe điều chưa từng thấy nghe, được điều chưa từng có. Từ đó về sau, Sư bị bệnh đã tới lúc nặng, nhưng việc giảng nói không hề phế bỏ. Mãi đến lúc phải nâng đỡ Sư lên pháp tòa, quá tệ hại. Sư

mới thôi nghỉ. Đến lúc Vua Võ Đế đến chùa Đồng Thái, giảng kinh Đại Niết-bàn, ban sắc khiêng kiệu đưa Sư lên điện, dựa ghế nghe giảng. Mãi đến lúc chịu tang cha, cơn bệnh càng dữ dội và đến lúc Đại tiệm. Đến đầu đêm hai mươi bảy tháng ba niên hiệu Đại Thông thứ ba (năm trăm hai mươi chín) Sư thị tịch tại phòng Sư ở, thọ sáu mươi ba tuổi. Cả hai cung đều kính tiếc, vì thế mà khóc gào thảm thiết. Vua Võ Đế ban cấp Đông Viên Bí Khí, tất cả mọi việc trong lễ tang đều do Vương phủ cung cấp. Vua lại ban sắc bảo an táng Sư bên cạnh chùa Định Lâm. Thái tử Trung thứ Lang Da Vương Quân soạn Minh Chí. Đệ tử Chu Trường Dận, v.v.. có sự luyến mộ như con, lập hai văn bia dựng ở tháp mộ. Tương Đông Vương Tiêu Dịch mỗi mỗi đều vì soạn Văn.

Ban đầu, ở tuổi vừa thọ giới Sa-di, Sư rất chuộng kinh thuật. Đối với Kinh Diệu Pháp liên hoa, Sư nghiên cùng tinh yếu, có lắm suy tư. Phẩm chước lý nghĩa đầu cuối xét xem, rồi mới đến u nham, giảng nói kinh ấy. Chất đá làm người, nghe bẻ lá thông làm phất, tự xướng tự dẫn, gồm thông khó hiểu. Do đó vang danh ở thời Nam Lương, thật chứa nhóm học rộng, mà Văn Sớ điều điệp, trước sau nhiều sáng rõ. Cuối cùng y cứ giảng tụng có nhiều cản trở công phu. Sư từng ở tại một ngôi chùa giảng nói kinh ấy. Bỗng chiêu cảm hoa trời hình dạng như tuyết bay khắp giữa hư không rải xuống trong giảng đường rồi bay bỗng lên giữa hư không chẳng rơi rớt, mãi đến lúc giảng xong mới tan đi.

Có Thần Tăng Bảo Chí là bậc đạo vượt phương ngoại, ít người có được cảm tình, nhưng đối với Sư thì kính mến lẫn nhau, gọi Ngài là "Đại Lâm Pháp Sư", từng đến chỗ Sư dừng ở qua đêm, và nói là muốn hiểu Sư tử hống, xin Pháp Sư nói cho nghe!" Sư liền vì phân chiết. Ngài Bảo Chí bèn búng ngón tay ngợi khen rằng: "Lành thay! Vi diệu, vi diệu!" Nghi Đồng Trần Quận Viên Ngang nói rằng: "Có vị Tăng thường cúng dường, cầu học kinh Pháp Hoa với Sư. Bỗng mộng thấy có vị tăng lạ bảo rằng: "Ở thời đức Phật Đăng Minh, Pháp sư Pháp Vân đã từng giảng kinh ấy, đâu thể đối địch." Mỗi lúc Sư giảng giải, người đưa các thứ tiền vật, cầu xin tụng kinh, thì có được lắm điều điềm ứng, Và được mộng lành như đã có nói". Có người đánh cá ở huyện Di Lăng nhặt được quyển kinh trong mảng lưới, đó là phẩm Tứ Tướng Niết-bàn. Và ở cuối quyển đề là "Niên hiệu Nguyên Huy thứ hai (bốn trăm bảy mươi bốn) thời Tiền Tống, Vương Bảo Thắng kính tạo dâng lên Pháp Sư Pháp Vân ở chùa Quang Trạch". Đem việc ấy để so sánh thì lúc ấy Sư chỉ mới mười tuổi. Tiếng tăm chưa vang xa, và không nghe biết chùa Quang Trạch, mà Phẩm kinh ấy là phép tắc chân chánh, ban đầu ghi là

"Hoằng Pháp dần dần bỏ cá thịt". Nghiệm xét ý hạnh hiện nay rất phù hợp. Sư có cơ thần biến hóa, mọi người chẳng dám đua tranh sánh ví. Sư có được điều ấy, càng thêm mở mang giảng nói.

10/- Truyện ngài Thích Tuệ Trừng trụ chùa Tùy Hỷ ở Nam Hải.

Thích Tuệ Trừng, họ Lan, người ở xứ Cao Yêu thuộc Phiên Ngung, năm mười bốn tuổi, Sư xuất gia, nương tựa Hoà-thượng Đạo Đạt ở chùa Tùy Hỷ. Tánh Sư trong sáng khổ tiết, giữ vững trai giới, với các thứ cá thịt tanh nồng, trọn đời Sư chẳng hề gần gũi.

Vào cuối thời Nam Tề, trăm thứ đều thôi nghỉ, Sư đóng cửa lễ Phật tụng kinh, chẳng tu học rộng, đầu niên hiệu Thiên Giám (năm trăm lẻ hai) thời Nam Lương, Sư mở trường học. Các hàng tăng tục ưa thích mong cầu đều đạt như chí nguyện. Sư ôm giữ nguyện vọng, lấy ngày làm năm. Giữa thời thế vừa mới mở mang, đường đi về hướng Nam còn bị tắt nghẽn. Sư mang vác hầm sách lần lữa muốn đi mà chưa cất bước. Và còn bè bạn can ngăn, bảo Sư rằng: "Sao chẳng chuẩn bị tư lương mọi vật, đợi đường sá mở thông rồi hãy đi, mà vội vàng để sinh ra lo khổ như vậy?" Sư bảo: "Vinh hoa mọi vật đâu có liên quan gì, ngày tháng như điện chớp, thời gian đâu đợi chờ con người?" Từ đó, Sư dò hỏi đường sá gởi gắm, bèn đến kinh thất, dừng nghỉ tại chùa Trang Nghiêm và nương tựa Pháp sư Tăng Mân, ngồi thẳng mặt hướng về phía Bắc. Sư chuyên cần khổ tiết, buông màn chuyên nghiên cứu một việc, vừa kinh vừa luật, hoặc số hoặc luận, trong thời gian hơn mười năm câu thúc sâu xa, tìm cầu bí ẩn, Sư còn giấu vết dưới chiếu mà tiếng tăm đã vang vọng ngày một xa. Quế Dương Vương Tiêu Tượng, nghe Đạo phong của Sư mà khâm phục mừng vui, thỉnh Sư đến nhà, đảnh lễ quy y, cầu xin giảng nói. Gần gũi tự hưởng tốt lành, bèn khiến xa gần đều tìm đến người nghe văn vẽ rõ ràng. Sau, Quế Dương ra trấn giữ Nam Nhạc, thỉnh Sư cùng đi. Các hàng Đạo tục khắp vùng Tiêu Tương càng thêm quy y kính ngưỡng. Pháp tịch thường luôn hưng thịnh, Sư khéo léo dẫn dụ, quên cả mỏi mệt.

Ngài trái nghịch với Bà con đã lâu năm, thề tạm định tỉnh, mà bốn chúng ở Phiên Ngung, hướng trông Đạo phong kính trọng đức hạnh của Sư, thường đến muốn thỉnh, mỗi năm càng gấp bội. Nên đến niên hiệu Phổ Thông thứ tư (năm trăm hai mươi ba). Sư theo Sứ đi ngược lại phương Nam, giữa đường gặp phải nguy ách hiểm trở, Sư vốn tình chẳng sợ, ăn gặp khách đói, Sư nghiêng bát mà ban thí. Mọi người trong thuyền bày biện, Sư chẳng chịu nhận lại. Như thấy người đơn bạc thì

Sư cởi áo ban cho. Khi đến Nam Hải, Sư dừng ở tại chùa Tùy Hỷ. Bảy chúng đua nhau tìm đến nhóm họp đông đảo như rừng, hken ngợi cầu thỉnh pháp thí, nhưng Sư vẫn thường lụy tích. Sư lý dụ tinh vi, cạn sâu đều không ẩn giấu. Các hàng tân học, cựu học trông mong như cỏ nép mình. Sư ở tại đó suốt năm năm, nói pháp lợi sinh không hạn lượng. Chưa kịp trở lại đô thành thì Sư đã bị bệnh mà thị tịch, thọ năm mươi hai tuổi. Lúc đó nhằm niên hiệu Đại Thông thứ nhất (năm trăm hai mươi bảy).

Bấy giờ, lại có các Sa-môn Tuệ Lãng, Tuệ Lược, Pháp Sinh, Tuệ Võ, v.v.. đều là những vị nương tựa thọ học với Pháp Sư Tăng Mân. Tuy thông hiểu rộng các bộ mà đều chỉ lấy Luận Thành Thật làm chuyên danh. Sư Tuệ Lãng an bần ham học, thông hiểu rộng rãi, trải qua thời gian lâu dài đáng là bậc Sư Tượng khéo giỏi việc truyền thuật. Ngài Tuệ Lược thông minh tuấn tú, tuyên giảng có khuôn phép, riêng từng điều phẩm, rất được khen ngợi tán thưởng. Ngài Pháp sinh tìm hỏi Dị Văn, rộng bày kinh luận, giải thích chỗ sâu kín, lợi vật rất đặc thù. Ngài Tuệ Võ giải thích văn nghĩa, tỉnh lược chỗ rườm rà, tuyên lưu những điều chưa rộng rãi, hương thơm, trong lá. Năm ngoài ba mươi tuổi Sư thị tịch.

11/- Truyện ngài Thích Pháp Linh trụ chùa Thương Định Lâm ở Chung Sơn.

Thích Pháp Linh, họ Đổng, không rõ Sư là người xứ nào. Gia đình gặp phải biến họa trong thế sự, nhân đó dời đến ngụ tại Kiến Khương.

Sư xuất gia từ thuở thiếu thời, trụ chùa Định Lâm thượng, lập chí khí tiết tháo trong trắng bền bỉ, khiêm hòa ít muốn. Sư xem rộng các kinh luận có lắm điều thông đạt, rất giỏi các Kinh Niết-bàn, Đại Phẩm, Tiểu Phẩm, tinh thông Pháp Hoa Tỳ-đàm tâm luận. Sư lên pháp toà Sư tử, phát ngôn biện giải không sợ hãi. Trước tiên Sư nêu bày cương yếu, kế đến khai dẫn nguồn mạch điều lưu, nói năng tuy ước lược mà ý chỉ sâu sắc, tiếng tăm vang dội khắp kinh học. Sư lại khéo tu thiền định để dứt mọi phan duyên. Chỉ khổ nỗi thường bị bệnh tật, nên Sư chóng bỏ sự nghiệp giảng dạy. Sư tự trách mình do đời trước chấp tướng Phân biệt dẫn đến tạo nên những điều trái nghịch tai hại nên nay phải chịu sự ương trái. Nhân đó, Sư trì tụng một bộ kinh Đại phẩm để dứt hết mọi bít nghẽn, thanh tịnh điều hòa, tùy theo Phạm hạnh. Suốt ba mươinăm, chân Sư chẳng bước xuống núi, không ăn các thứ có mùi vị tanh nồng, thân mặc áo vải xấu trọn đời. Đến niên hiệu Thiên Giám thứ năm (năm

trăm lẻ sáu) thời Nam Lương, Sư thị tịch, thọ sáu mươi chín tuổi.

Bấy giờ, tại chùa Định Lâm thượng cũng có các Sa-môn Tuệ Thái, Tuệ Toản đều là những bậc nổi tiếng về Thông học. Ngài Tuệ Thái tự khắc kỷ tu thân, dốc chí siêng năng về thiền trí, giỏi về nói bàn, truyền đạt. Ngài Tuệ Toản tâm tánh trắng trong, chẳng cần cung phụng hình hài. Trinh thật có tâm trong trắng, có khí tháo của bậc Quốc Sĩ.

12/- Truyện ngài Thích Trí Tạng trụ chùa Khai Thiện ở Chung Sơn.

Thích Trí Tạng, họ Cố, vốn tên là Tịnh Tạng. Người xứ ở Quận Ngô, là con cháu đời thứ tám của Ngô Thiếu Phó Diệu. Cao Tổ của Sư là Bành niên làm Tư Nông Khanh, Tằng Tổ của Sư là Thuần, làm Tiền Đường lệnh. Ông nội của Sư là Diêu Chi làm Viên Ngoại Lang, cha của Sư là Ánh. Vâng phụng triều thỉnh, đã mất sớm, mẹ của Sư có lần mộng thấy nhiễu quanh Ngô thành một vòng, mây mù phủ khắp bốn phía mà giữa khoảng trời trong sáng tỏ, các vì sao rơi rụng dưới đất, bèn bốc lấy mà nuốt, nhân đó mà mang thai Sư. Đến lúc sinh Sư, tuy bé nhỏ mà Sư thông minh, thường có tâm nhường nhịn. Từ mọi sự ăn mặc cho đến cung cách oai nghi đều như hoa mới nở. Sư luôn nhường trước mà ở chỗ sau cùng. Do đó tiếng tăm Sư vang vọng nên khắp xóm làng đều kính mến và quý chuộng. Năm mười sáu tuổi, Sư xuất gia, thuộc đời Vua Minh Đế (Lưu Úc (bốn trăm sáu mươi lăm-bốn trămbảy mươi ba) thời tiền Tống).

Niên hiệu Thái Sơ thứ sáu, Vua ban sắc cho Sư trụ tại chùa Hưng Hoàng, phụng thờ các Sa môn Tăng Viễn, Tăng Hựu chùa Định Lâm thượng, sa-môn Hoằng Tông ở chùa Thiên An làm thầy, danh đức các Sa môn ấy đã nêu như các truyện trước. Sư nương tựa bẩm thọ mọi sự chỉ dạy trong khuôn phép, kính nghĩa cao lớn. Thầy Sư từng có lúc bị bệnh rất nặng không ăn uống nhiều ngày, Sư cũng theo thế đợi đến lúc thầy ăn uống trở lại Sư mới ăn uống. Từ đó, Sư giữ vững giới đức, học nghiệp thông suốt sâu sắc.

Thời bấy giờ, có hai pháp sư Tăng Nhu, Tăng Thứ là những bậc huyền tông ở đời. Ban đầu, Sư tìm đến theo học, được chỉ dạy kinh luận, biện chung tinh lý. Đến lúc các vị ấy mở hội dịch luận pháp, chẳng thể vượt qua được bến bờ của Sư. Sư thông hiểu như thần. Mỗi lúc nghe trình bày Vi ngôn, Sư liền dự phần so sánh dấu vết, không gì chẳng chiết phục. Do đó, hai Pháp sư ấy đều khen ngợi, bởi vì chẳng bì kịp Sư. Tề Thái uý Văn Hiến Vương Công rất lấy làm khâm phục nể trọng, bèn

thỉnh Sư an cư, thường than trách là được gặp quá muộn!

Thái Tể Văn Tuyên Vương kiếp lập chánh điển để tiếp nối làm ngời sáng Đạo Phật, sắp giảng Kinh Tịnh Danh, cùng chọn lựa các bậc Thượng Thủ, bèn thỉnh được hơn hai mươi vị tăng tinh thông giảng giải. Thăm dò, tìm kiếm mới tìm được Tạng. Sư tuổi tác trẻ nhỏ nên dự ở cuối tòa. Sư tuyên dương truyền thuật nghĩa lý, không ai cân nhắc chống kháng, nên các hàng đạo tục tự nhiên càng thêm tôn sùng kính trọng. Vốn trước đó, có Pháp Sư Thận ở Cối kê, chỉ muốn tuyên thông pháp mầu bèn thỉnh văn tuyên, tìm cầu giảng Tượng, vì tiếng tăm Sư vang vọng khắp cùng, thêm thuộc quyến thuộc, bèn lưu liên Cối kê trải qua nhiều năm tháng, lại ứng theo cổ xúy nhiều người học. Chỉ vì luật bộ chưa tinh thông nên lại tìm đến chốn kinh kỳ. Đức tin đồng như thí dụ chiếc bình, dường như truyền đăng, không bao lâu Sư đã thấu suốt luật Thập tụng và nghiên cùng các Bộ. Cuối cùng trở lại Quận Ngô, Đạo vung khắp sinh địa, người học mang lương thực tìm theo chẳng ít.

Đến niên hiệu Vĩnh Nguyên thứ hai (năm trăm) thời Nam Tề, Sư lại đến Võ Đột, ở tại núi Pháp Hoa, nhóm họp chúng mà mở mang sự nghiệp giáo hóa. Đến lúc đức nhà Tề sắp suy sụp, Vương thất có lắm nhiễu loạn. Khắp trong nước đã đóng bế kinh tịch, đạo bị bỏ phế, Sư nhiều lần nêu cao, muốn suốt đời ở tại Võ Đột. Mãi đến lúc nhà Lương thay đổi mở mang Chánh Pháp. Hoàng hoa tiếp đến, Sư bèn đi tới chốn kinh đô, vua Võ Đế (Tiêu Diễn) xuống kính lễ vâng tu. Những người giàu sang vinh hiển, không ai chẳng cung kính. Bấy giờ, gặp lúc Thánh Tăng Bảo Chí thị tịch, an táng tại Chung Sơn, phía trước phần mộ xây dựng tháp báu. Chùa ở đó tên là Khai Thiện. Vua bèn ban sắc mời Sư ở đó. Trước kia, lúc chưa thọ giới cụ túc, Sư có gặp ngài Bảo Chí tại chùa Định Lâm thượng, bèn suy cử Sư ở trước. Ngài duỗi bày sự sùng kính, nhận biết đức vọng có chỗ quy về, thấy trước sự kết quy tốt lành.

Bấy giờ, Vua Võ Đế rất tôn kính Phật giáo, khắp nơi trong cung Sư ra vào tự nhiên. Vua bảo một người mang cánh cửa chắn mặt phía Nam trong vực, bàn bạc cho rằng Pháp của vua ngồi chỉ là chỗ lên của Thiên tử, các Sa-môn không thể xen dự vào. Sư nghe thế tự nhiên đổi sắc mặt, liền vào Kim môn đến nơi Chánh điện. Ngồi xôm trên pháp tòa, cất tiếng bảo rằng: "Bần đạo xưa kia là Ngô trung Cố Lang còng chăng tủi thẹn giường Vua, huống gì mới lập lại Định Quang Kinh luân Thích Tử, nếu đàn việt muốn giết bần đạo thì nên giết ngay. Chẳng sợ không có chỗ thọ sinh. Nếu giao ở phương trên hay trong tù ngục, chẳng chướng ngại hành đạo!" Sư liền rũ áo đứng dậy. Vua bèn bỏ sắc lệnh

mà vâng theo pháp tắc trước. Sư lược qua Thiên tử, đề cao Phật giáo đều đại loại như vậy.

Có Bà lão miền quê, giỏi đoán tướng người, nói với Sư rằng: "Pháp sư thông minh tài biện giỏi nhất trên đời, khắp trong nước đều biết tiếng, nhưng thọ mạng không lâu dài, chỉ có thể sống đến năm ba mươi mốt tuổi thôi!" Năm đó, Sư đã hai mươi chín tuổi nghe lời nói ấy, Sư liền bỏ mọi việc giảng giải, dốc hết tinh thần tấn tu đạo nghiệp, phát thệ nguyện lớn, chân chẳng bước ra khỏi cửa. Và Sư xét tìm trong Kinh tạng, bèn có được Kinh Kim cương Bát-nhã. Sư thọ trì đọc tụng, dốc chí phụng hành. Đến chiều hôm cuối năm nguy ách, Sư dùng nước ấm thơm tắm gội, trang nghiêm tịnh thất để chờ đợi sự chết đến. Bỗng nhiên nghe giữa hư không có tiếng bảo rằng: "Này người Thiện Nam! Ông qua tuổi ba mươi mốt, đó là thời kỳ bảo tận. Nhưng do năng lực của Kinh Kim Cương Bát-nhã, nên tuổi thọ được kéo dài gấp bội!" Sau đó, Sư ra khỏi núi, thử đến chỗ Bà lão đoán tướng trước kia. Bà lão ấy kinh hãi bật dậy hỏi rằng: "Do nhân gì mà ông sống ở đời vậy? Trước kia thấy tướng mạng sống ngắn ngủi, nay hoàn toàn không còn nữa. Đối với Sa-môn tôi thật không thể đoán biết tướng!" Sư hỏi: "Vậy nay tướng thọ mạng tôi đến bao nhiêu?" Bà lão đáp: "Xem hình dung sắc tướng cốt pháp của Ngài thì tuổi thọ sẽ ngoài sáu mươi." Sư bảo: "Người năm mươi tuổi biết được mạng đã chẳng phải là yểu, huống gì quá hơn như thế!" Sư bèn đem nguyên do nhân duyên mà nói cho Bà lão nghe, và cả hai người cùng mừng vui. Và sau này đến lúc Sư tịch, quả đúng như lời Bà lão đoán tướng nói. Do đó, các hàng đạo tục khắp xứ giang tả đua nhau trì tụng kinh ấy và có lắm điều ứng nghiệm, mãi cho đến ngày nay có những sáng tỏ lớn, thường kết cảm thông.

Đến niên hiệu Đại Đồng (năm trăm ba mươi lăm-năm trăm bốn mươi bảy) vì vua Võ Đế kính trọng Tam Bảo. Danh lợi làm động hoạn mờ tối tâm, các hàng kiêu căng, tình tứ hạ đạt, tăng chính hiến cương không thi hành qua cửa. Vua Võ Đế muốn nắm lấy Tăng Quan, đảm nhận giềng mối Pháp lữ. Ban sắc chủ thư, cho phép đặt tên các danh thự. Bấy giờ các bậc thanh triết, không một ai dám chống đối, đều nép mình ném bút. Sau, sắc sớ đưa tới Sư. Sư liền cầm bút chẹt ngang đó viết rằng: "Phật Pháp như biển lớn, người phàm tục chẳng nhận biết được. Vua đọc xem đó mà không hề để ý. Đó cũng là sơ lược muôn thừa một người ở cuối đời, mà ý vua càng mạnh." Sự việc sắp được thi hành ở đời, tuy Sư sau chưa đồng ý mà sắc chiếu của Vua đã ban trải khắp nơi. Về sau thiết bày đại hội ở điện Hoa Quang, Chư tăng tụ hội rất

đông, sau đó Sư mới đến. Vua Võ Đế bảo rằng: "Xét thấy tăng ni phần nhiều chưa tụng tập. Hàng Bạch y làm Tăng Chánh chưa hiểu rõ khoa điều, nếu dùng pháp luật thế tục mà sửa trị thì thương tổn quá nặng. Đệ tử nhân ngày rãnh rỗi, muốn tự làm Bạch y Tăng Chánh, cũng y theo luật mà lập Pháp. Đây tuy là việc của Pháp sư, nhưng Đức Phật cũng lại phó chúc cho các hàng Quốc Vương. Từ trước đến giờ bàn luận với chư Tăng, mọi người đều nói là không khác, còn ý chỉ của Pháp Sư thì thế nào?" Sư bảo: "Bệ hạ muốn tham dự vào tăng sự, thật là làm người sáng tỏ Chánh Pháp. Chỉ vì tăng ni thường chẳng y cứ theo luật. Nên cúi mong Bệ hạ rũ lòng từ khoan thứ việc ấy làm sau!" Vua Võ Đế bảo: "Ý này Đệ tử đâu muốn làm khổ chúng tăng, chính vì tục ngu quá trọng, nên tự có thể y cứ luật mà xét định. Pháp sư bảo nên khoan thứ, ý ấy là thế nào? Sư đáp: "Bệ hạ thật muốn bỏ nặng theo nhẹ, chỉ vì chúng tăng trong thời mạt pháp phần nhiều đều chẳng sống đúng như luật. Nên dám xin khoan thứ!" Vua Võ Đế hỏi: "Xin hỏi Chư tăng Phạm tội, với Phật Pháp có nên sửa trị hay không?" Sư đáp: "Trộm dùng lý Phật sâu xa, giáo có thay đổi." Ý Sư cho rằng vừa sửa trị vừa chẳng sửa trị. Vua Võ Đế bảo: "Chỉ thấy phó chúc cho các hàng Quốc vương sửa trị. Nơi nào có thuyết chẳng sửa trị ư?" Sư đáp: "Điều-đạt quen thân là việc ấy. Đức Như Lai đặt để đó chẳng sửa trị!" Vua bảo: "Ý Pháp Sư cho rằng Điều-đạt là người thế nào?" Sư đáp: "Điều-đạt mới thật chẳng thể lường biết, hễ nêu bày gốc tích thì chính là chánh muốn hiển bày giáo. Nếu không thể trị thì bậc Thánh sao dung thứ nêu bày? Còn nếu một bề sửa trị thì chúng tăng chẳng lập, và một bề chẳng sửa trị thì cũng chẳng lập." Vua Võ Đế đổi sắc mặt tìm bảo đình chỉ sắc chiếu ban trước. Chư Tăng chấn động lo sợ cùng dẫn nhau đến thưa hỏi. Vua Võ Đế bảo: "Pháp Sư Trí Tạng là người có tâm lượng Đại Trượng Phu. Nghĩa là với điều phải thì nói phải, với việc sai thì nói sai, từ ngữ rất rộng. Chẳng thể dùng hình mạng mà làm luỵ nhau. Còn các Pháp sư chẳng phải là bậc Trượng Phu, ý thật chẳng đồng, lời thì không khác. Vừa rồi đệ tử tranh cãi dữ dội với Pháp Sư Trí Tạng mà các Pháp Sư vẫn im lặng, không thấy vị nào giúp đỡ, đó há chẳng phải là ý bất đồng ư?" Sự việc ấy bèn được đình bỏ.

Sư ra bảo với đồ chúng tùy thuộc rằng: "Quốc Vương muốn đem Phật Pháp làm trách nhiệm của mình. Đó thật là sự dụng tâm của bậc Đại sĩ. Nhưng áo mão một nhà, con em có đến hàng chục người, chưa chắc đã vừa ý. Huống gì tăng chúng khắp năm phương lẫn lộn hỗn tập chưa dễ dàng biện minh. Chính là cần phải bỏ cái rất rộng lớn ấy. Vả

lại, giới luật của Đức Như Lai truyền bá ở Thế gian. Nếu vâng dùng đầy đủ cương lý thì Tăng chánh chỉ không ích lợi mà còn tổn hại rất lắm. Thường muốn khuyên bảo bãi bỏ việc ấy, đâu có tán thành". Hoặc có người nói: "Lý cùng cực như thế, đáng là khoan thứ muôn thừa, làm sao có thể dời đổi được? "Sư cười đáp: "Đó thật là đáng sợ, chỉ vì tôi tuổi già, dù cho phải mang tội ý chỉ a dua cũng chẳng thể sống hoài. Nhưng việc chết vốn là việc chẳng tiếc, nên an bài việc ấy." Về sau, Pháp sư Pháp vân nói với chúng tăng rằng: "Nhà vua đối với nghĩa lý chưa thể thấu hiểu sự việc trong một ngày thật đáng thẹn phục vậy!"

Sau đó, không lâu, Vua Võ Đế ban sắc thỉnh mời Sư đến chùa Bành Thành, giảng Luận Thành Thật. Thính chúng có hơn ngàn vị, đều là những bậc giỏi giảng một thời, Học Quán rất vinh hạnh. Vua lại ban sắc thỉnh Sư đến Điện Tuệ Luân, giảng Kinh Bát-nhã. Vua ban sắc riêng cho ba mươi vị Đại đức cùng dự tòa. Ngài khai mở giải thích phát thú, mỗi vị có sự thanh bạch cao trội đều được soạn ký riêng, phỏng sau truyền tập.

Đến mùa Xuân niên hiệu Thiên giám cuối cùng (năm trăm hai mươi) Sư xả thân Đại sám, mời nhóm các hàng Đạo tục, đều tự giảng Kinh Kim Cương Bát-nhã, lấy làm sự sám hối cùng cực. Sư chỉ giữ lại y bát, ngoài ra đều xả thí hết không để lại vật gì. Trần Quận tạ Cơ Khanh chỉ vào nơi treo y tượng mà nói đùa rằng: "Còn giữ lại một vật này là còn có ý gì ư? "Sư đáp: "Thân còn chưa hoại diệt, ý làm sao mất hết được? và vẫn có tâm mến chuộng chốn tĩnh lặng, gá ý nơi núi rừng!" Rồi ngài bèn trở về ở chùa Khai Thiện, nhân đó chẳng màng đến việc đời. Hoặc có lúc Vua ban sắc chiếu thỉnh, Sư bèn dâng trình khải Văn khước từ rằng: "Thuở trước đoái hoài sự tĩnh tâm lầm hoặc chẳng điều. Muốn nương một lời Phật dạy ở nơi không nhàn tự chế phục, theo duyên hơn hai mươi năm, còn lúc tuổi trẻ nên có thể nâng đầy đuổi gạt. Nay đã già bệnh, thân tâm đều suy giảm. Nếu lại thối lùi một mảy may đều chẳng kham với tự khoá. Nên nguyện nói chỗ tĩnh lắng, ít tự ồn ào, chẳng phải dám ngạo đời cầu danh,chẳng phải muốn theo nhàn tự dối. Đó là tình gần của người thường, sợ đã bức bách đường trước!" Vua lại ban sắc viết tay khuyên dụ rằng: "Cầu không tự nhàn, nương không vào tuệ, ẩn cao dưỡng thần thật là thắng lạc, chẳng trái với ba Thừa, cũng là tùy hỷ. Chỉ riêng khoảnh khắc này có thể không buồn bã. Đường khúc khỉu tặng lời được người xưa qúy trọng. Như khuyên Pháp sư thực hành Tâm vô ngại, lấy Đại Bi làm đầu, phương tiện làm lợi ích. Tùy thời dùng xả, không nên chóng dứt. Vì tâm cách ngại mà thực hành đạo

Bồ-tát thì không có việc ấy!" Vua ban sắc qua lại nhiều lần và dài lâu, nhưng Sư vẫn giữ tiết tháo không sửa đổi.

Vua Võ Đế sắp thọ giới Bồ-tát, ban sắc Tăng chánh điệp cho các vị Lão túc đức vọng. Bấy giờ Siêu Chánh lược điệp cho ba vị Pháp Thâm, Tuệ Ước và Trí Tạng, mà ý vua là đặt trọng nơi Sư. và bèn chọn Sư. Hoàng Thái tử rất cùng kính tiếp, sắp đặt kính lễ của Bắc diện, cung kính đi đến xe Du từ động trống kèn, mở lối, giáng tôn hạ lễ đi đến bái yết, vâng theo quy giới, mãi vì Sư truyền. Vua Võ Đế lại thỉnh Sư giảng Kinh Đại-biết Bàn ở tại chùa, đích thân nhà vua đến ngồi trước màn, viên mạng thưa hỏi, Triều Hiền thời ngạn, Đạo tục đông đầy giảng đường. Pháp hội hưng thạnh như thế từ trước chưa từng thấy nghe. Lại nữa, ở tại Bắc Các, thỉnh Sư cùng đàm luận, mọi người đều ngợi khen rằng: "Gấp bội tham dự thắng tịch, thật chưa từng có." Sư vẫn mặc tình suy hư, thật hành bình đẳng, che khen chẳng động tâm, vinh lợi không liên can. Sư yên tọa không nhàn, nghị lực như ngọn núi đứng. Tuy thần ngụ ngưng cách mà phong vận thanh cao. Sư ứng vật miệt mài nhưng như chẳng đủ. Có thể gọi đó là vọng trông nghiêm trang tức đủ. Đó là sự biến hoá của Quân tử. Sư tự hiện ở chỗ núi non hiểm trở mà ẩn hình người đời. Lại ở phía ngoài chùa, Sư xây dựng riêng sáu ngôi nhà để tu hạnh Đầu-đà, đều sử dụng bằng các vật cỏ tranh dung-tất mà thôi. Hoàng Thái tử nghe thế nên đến xem, mỗi nơi đều có viết tặng thơ, sau đó trở về. Và ở cuối chương viết rằng: "Chẳng thể gọi là vui thích chơi bời!" Ý muốn đánh thức tâm người Sư kết tâm vượt ngoài thế tục, thường thực hành sám hối. Mỗi ngày sáu thời chí thành kính ngưỡng linh tướng. Miệng Sư thường nói: "Lý vị sâu mầu, nghĩ cạn châm chước tự ôm lấy nghi ngại, sợ trái với Thánh ý có nhiều hẹp hòi." Nhân đó mà Sư tha thiết cung kính. Lệ từ đều phát. Sư thường ở qua đêm tại chùa Linh Diệu. Ban đêm thực hành dần dụng tâm, thấy có ánh sáng mầu vàng ròng soi chiếu, khắp phòng nhà đều tỏa sáng. Có người hỏi về nguyên do. Sư đáp: "Sự kỳ diệu nầy chưa thể nói được." Sáng hôm sau, Sư thị hiện bị bệnh cho đến lúc Đại tiệm. Vua Võ Đế và Trữ Quân Trung sứ cùng trông ngóng. Bốn chúng Tăng tục suốt đêm ngày cùng tham hầu. Vua ban sắc thiết lập trai hội, tự tay soạn văn cầu nguyện. Và tiếp tục cung cấp thuốc thang, mà trời sao chẳng thay đổi, chỉ thêm chẳng bớt. Lúc sắp qua đời, ngôn từ nhan sắc Sư bình tĩnh, lời căn dặn chỉ chú trọng vào việc mở mang chánh Pháp. Đến ngày mười lăm tháng chín niên hiệu Phổ Thông thứ ba (năm trăm hai mươi hai) Sư thị tịch tại phòng nơi chùa Sư ở, thọ sáu mươi lăm tuổi.

Vua Võ Đế ban sắc an táng tại núi Độc Long, mọi người đến tiễn đưa đông đầy đường. Bạn đồng đạo dựng lập bia, tại tháp mộ và ở trong chùa mỗi nơi có một văn bia. Tân An Thái Thú Tiêu Cơ soạn văn bia. Tương Đông Vương Dịch soạn thuật bài Minh. Thái tử trung thứ tử Trần Quận Ân quân dựng lập mộ chí.

Xưa, Sư thường mộng thấy Kim Túc Như Lai vào phòng thất cùng bàn nói mà trong tay cầm hai mảy trần, trong đó một bên là vật báu trang sức, và một bên là tơ trắng. Và để lại tơ trắng ấy cho Sư. Lại nữa, Trưng Sĩ Lư Giang Hà Dận khi ở tại Hổ Khâu thuộc Quận Ngô gặp một vị Thần Tăng ôm một hòm sách bảo rằng: "có người gởi". Nói xong chỉ khoảnh khắc liền biến mất. Đến lúc mở hòm sách ra xem đều chẳng biết văn từ trong đó viết điều gì. Sau đó mới đem hỏi một vị tăng đời Ngụy. Vị tăng ấy bảo: "Đó là hai trang khoảng giữa của Luận Đại Trang Nghiêm". Người đương thời đều cho đó là chỗ đến của Sư. Lại nữa, tội của Lưu Hỗn ở Bành Thành đáng phải bị giết chết. Khi đó, Sư đang cùng Vua Võ Đế ở tại nhà sau bàn luận về nghĩa bốn thứ bình đẳng. Bên ngoài tấu trình vào. Vua bảo: "Nay vì việc nước, chẳng được nói nghĩa Tứ Đẳng là tại sao?" Sư bảo: "Lời nói và việc làm phải nương căn cơ. nay có phát mà chẳng trúng. Mất ở người nào. Nêu nghĩa của bốn thứ bình đẳng chẳng nhọc lập bày." Vua bèn bỏ qua chẳng hỏi, cuối cùng vì thế mà Lưu Hỗn được thoát khỏi. Nhà họ Lưu cũng chẳng hề hiểu biết nguyên do. Sư ngầm làm điều lợi ích cứu độ khắp cùng, có lắm việc như thế. Sư giảng các bộ kinh luận như Đại phẩm, Tiểu Phẩm, Niết-bàn, Bát-nhã, Pháp Hoa, Thập Địa, Kim Quang Minh, Thành Thật, Bách Luận, luận A-tỳ-đàm Tâm v.v.. mỗi tác phẩm đều có soạn nghĩa sớ lưu Hành ở đời.